

Cập nhật Danh mục đầu tư:

MIDCAP

SZC → **DBC**
SCS → **PVD**

SMART PORTFOLIO

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Tháng 05/2025

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư

smartDragon

Mục lục

smartPortfolio tháng 05/2025

I. Tổng quan danh mục 01-04

1. Thống kê hiệu quả danh mục	04
2. Top 10 cổ phiếu trong danh mục chính có hiệu suất nổi bật	04

II. Cập nhật Danh mục chính 05-30

1. Danh mục THẬN TRỌNG	05
2. Danh mục CÂN BẰNG	07
3. Danh mục TĂNG TRƯỞNG	09
4. Danh mục MIDCAP	11
5. Danh mục SMALLCAP	13
6. Điểm nhấn doanh nghiệp	15

III. Cập nhật Danh mục chủ đề 31-33

1. Cổ tức tiền mặt	32
2. Đầu tư công	32
3. P/B<1	32
4. BĐS dân dụng & khu công nghiệp	33

IV. Giới thiệu về smartPortfolio 34-38

1. Tổng quan về smartPortfolio	34
2. Phương pháp xây dựng danh mục đầu tư	35
3. Diễn giải	37



“Về kỹ thuật, thị trường đang cân bằng 1.200-1.240 điểm sau nhịp tăng 167 điểm. Thanh khoản giảm do yếu tố nghỉ lễ. Ở kịch bản trung tính, thị trường tiếp tục đi ngang 1.200-1.240 điểm, chờ kết quả đàm phán thuế quan. Kịch bản thận trọng: vùng hỗ trợ 1.150-1.160 điểm nếu áp lực thuế quan gia tăng.”

Thị trường tiếp tục xu hướng đi ngang với thanh khoản suy giảm so với tuần trước, dù trước đó có nhịp hồi phục lan tỏa nhờ dòng tiền vào các nhóm Bất động sản, Bán lẻ, Vingroup, Thực phẩm, Điện, Bảo hiểm và Viettel. Định giá P/E (TTM) hiện tại 13.7x, thấp hơn đáng kể so với trung bình lịch sử, cho thấy tiềm năng dài hạn của thị trường.

Thị trường Mỹ được kỳ vọng giảm bớt bất ổn từ thuế quan. Trong khi đó, thị trường trong nước được hỗ trợ bởi KQKD quý 1/2025, mùa ĐHCĐ và việc khối ngoại quay lại mua ròng, củng cố xu hướng đi ngang. Nhịp hồi phục gần đây chủ yếu từ VIC và VHM, cơ hội đầu tư ngoài nhóm Vingroup còn hạn chế.

TỔNG QUAN DANH MỤC ĐẦU TƯ

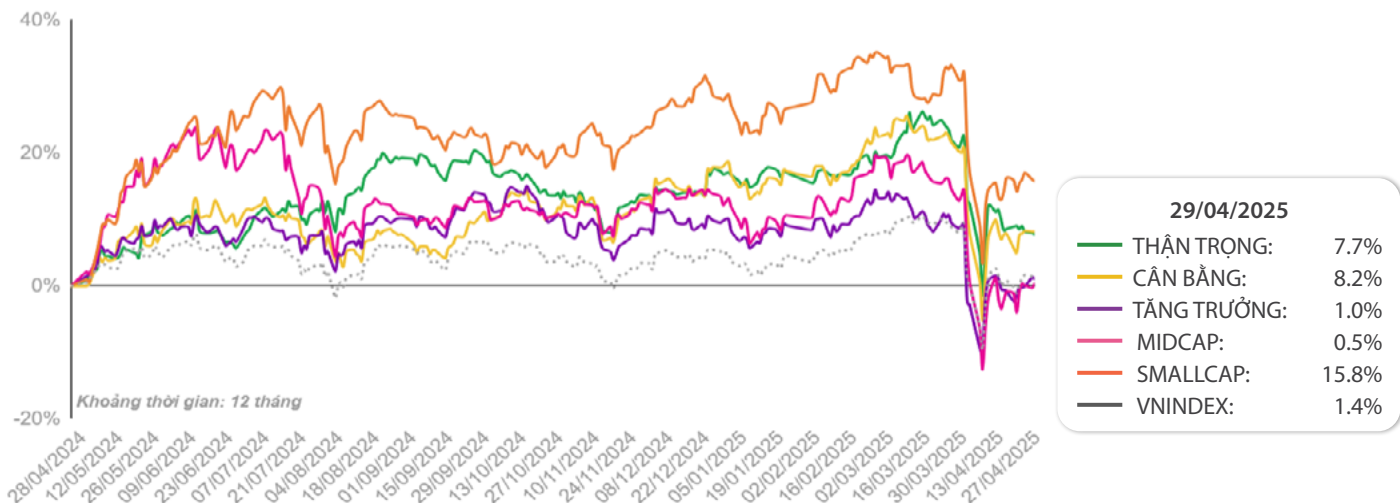
Tháng 05/2025

Ở kỳ ấn phẩm này, chúng tôi đề xuất những thay đổi sau cho danh mục đầu tư smartPortfolio như sau:

✔ Danh mục **MIDCAP**: Chúng tôi thay thế **SZC, SCS** bằng **DBC, PVD**

Tối ưu hóa danh mục đầu tư cùng smartPortfolio để đón đầu xu hướng thị trường!

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ

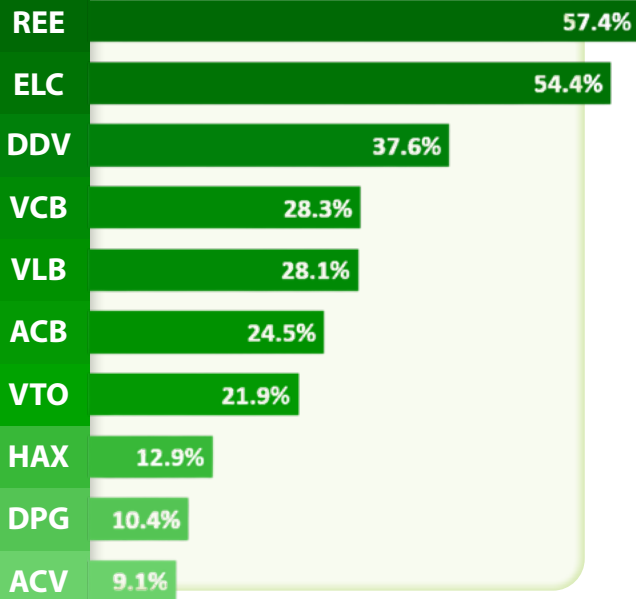


THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1M	3M	6M	12M	YTD
THẬN TRỌNG	-11.7%	-8.0%	-4.9%	7.7%	-7.8%
CÂN BẰNG	-11.0%	-7.7%	-3.1%	8.2%	-8.3%
TĂNG TRƯỞNG	-7.8%	-7.5%	-8.6%	1.0%	-8.1%
MIDCAP	-12.3%	-9.2%	-9.1%	0.5%	-10.4%
SMALLCAP	-13.1%	-8.6%	-4.1%	15.8%	-9.5%
VNINDEX	-6.9%	-3.1%	-2.6%	1.4%	-3.2%

TOP 10 cổ phiếu

trong danh mục chính có
Hiệu suất nổi bật



CẬP NHẬT DANH MỤC CHÍNH

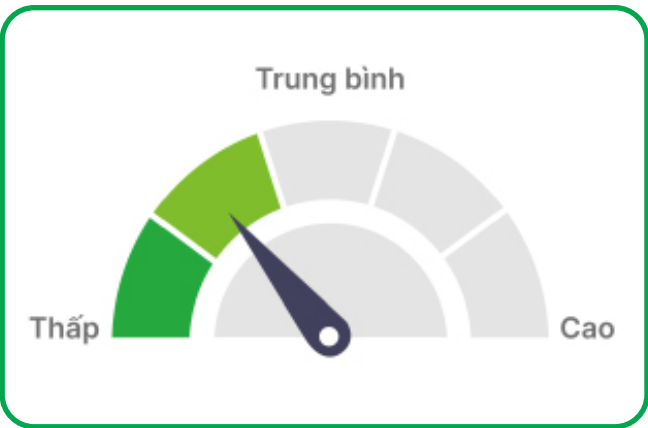
DANH MỤC THẬN TRỌNG

- ✓ Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

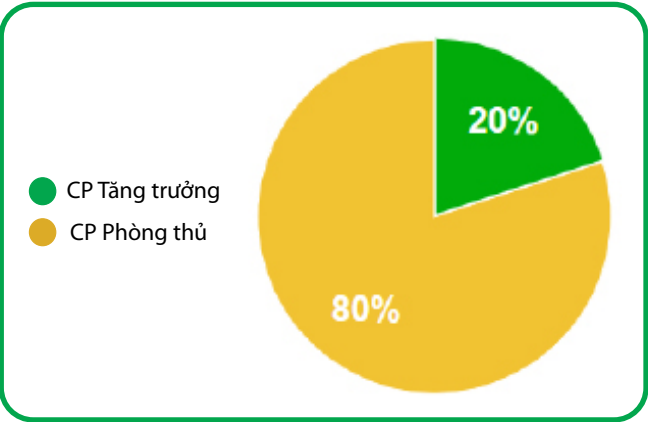
Tỷ suất cổ tức
>7%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
8-10%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
DPM	Phòng thủ	Hóa chất - Phân bón	36.8	33.8	8.9%	30.7 - 32	20%	26.7	1.1
KBC	Tăng trưởng	BĐS Khu công nghiệp	40.6	23.1	75.8%	20 - 22	20%	45.8	0.9
PLX	Phòng thủ	Dầu khí	37.5	33.25	12.8%	31.5 - 33	20%	14.9	1.7
REE	Phòng thủ	Điện	84.3	69.3	21.6%	61 - 65	20%	15.2	1.7
VCB	Phòng thủ	Ngân hàng	76.5	57.3	33.5%	54 - 56.7	20%	14.2	2.4

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

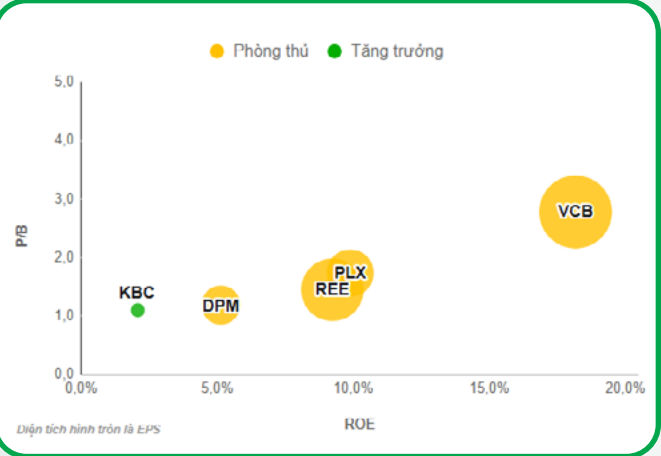
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

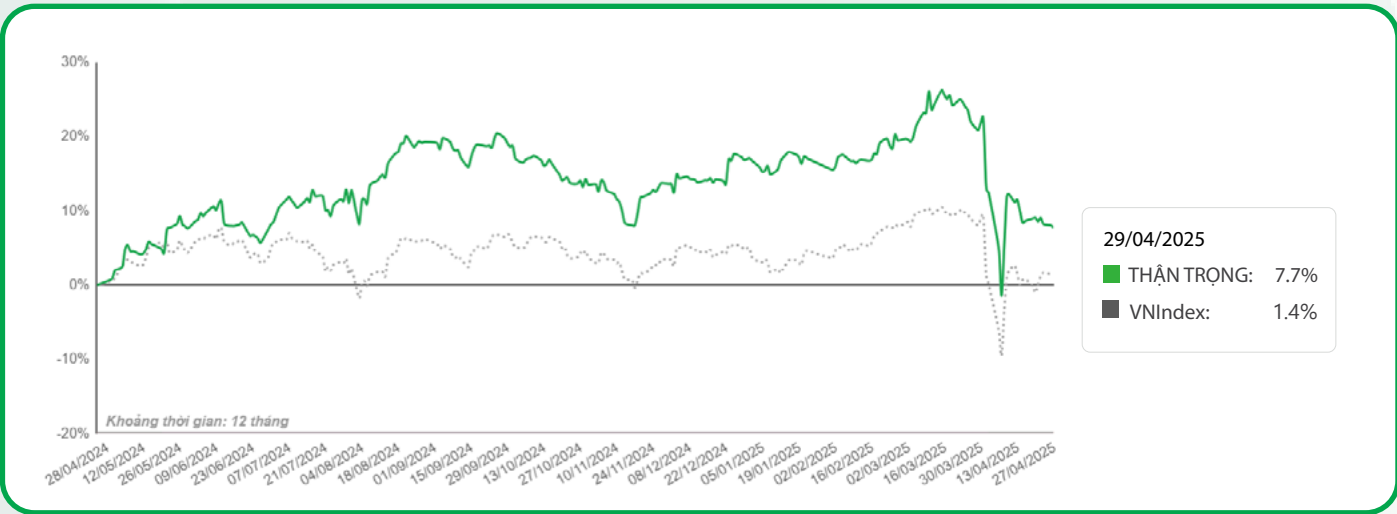
PHÂN BỐ THEO NGÀNH



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC THẬN TRỌNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
ACB	Phòng thủ	Ngân hàng	32.5	24.05	35.1%	22.2 - 23.2	6.5	1.2	3,708
BMI	Phòng thủ	Bảo hiểm	23.5	21.6	8.8%	20 - 21	12.1	1.0	1,792
BWE	Phòng thủ	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	56	51.6	8.5%	42.5 - 45.5	17.7	2.1	2,761
SIP	Tăng trưởng	Bất động sản	97	64.4	50.6%	56 - 61	10.5	2.9	6,076
SZC	Tăng trưởng	Bất động sản	37	30	23.3%	28 - 29.5	14.6	1.7	2,036

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025

*Đơn vị: nghìn đồng

DANH MỤC CÂN BẰNG

- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- ✓ Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

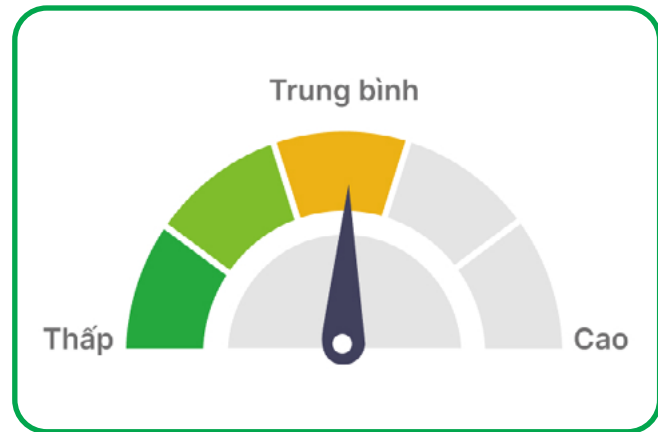
Tỷ suất cổ tức

>5%

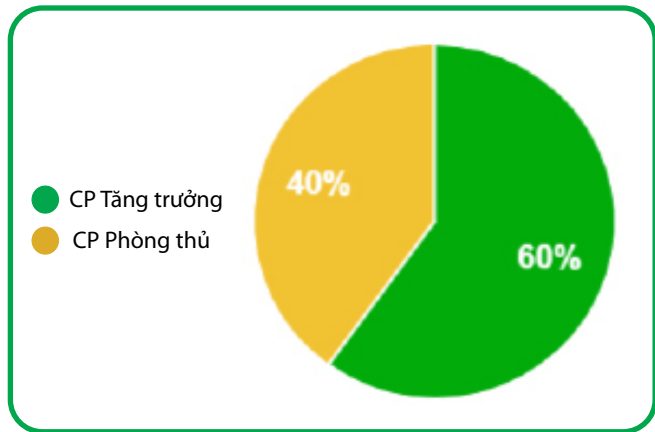
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

10-15%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB	Phòng thủ	Ngân hàng	32.5	24.05	35.1%	22.2 - 23.2	20%	6.5	1.2
GVR	Phòng thủ	BĐS Khu công nghiệp	27.5	24.3	13.2%	21 - 23	20%	23.8	1.8
HCM	Tăng trưởng	Chứng khoán	29	25.25	14.9%	23 - 24.5	20%	18.1	1.8
HPG	Tăng trưởng	Thép	35.8	25.45	40.7%	23.5 - 25	20%	13.6	1.4
MWG	Tăng trưởng	Bán lẻ	63.7	60.4	5.5%	53 - 57	20%	20.4	3.1

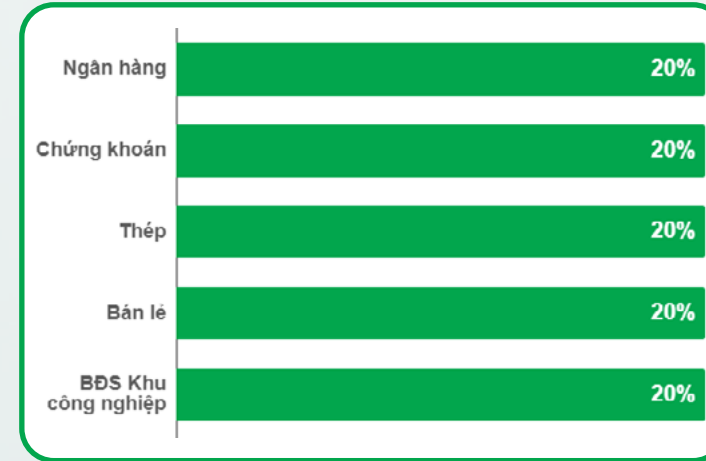
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

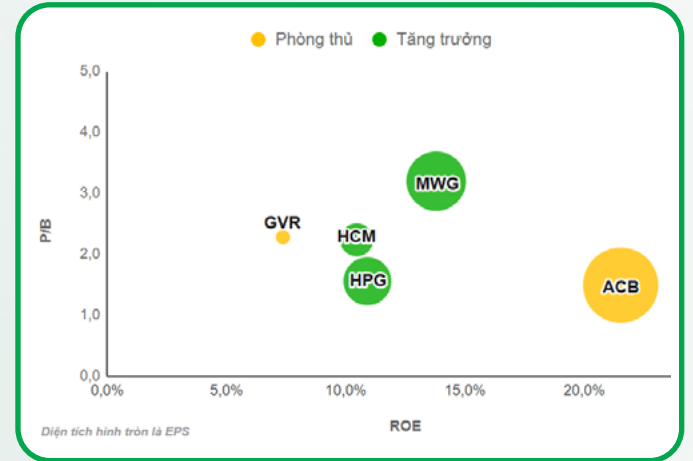
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

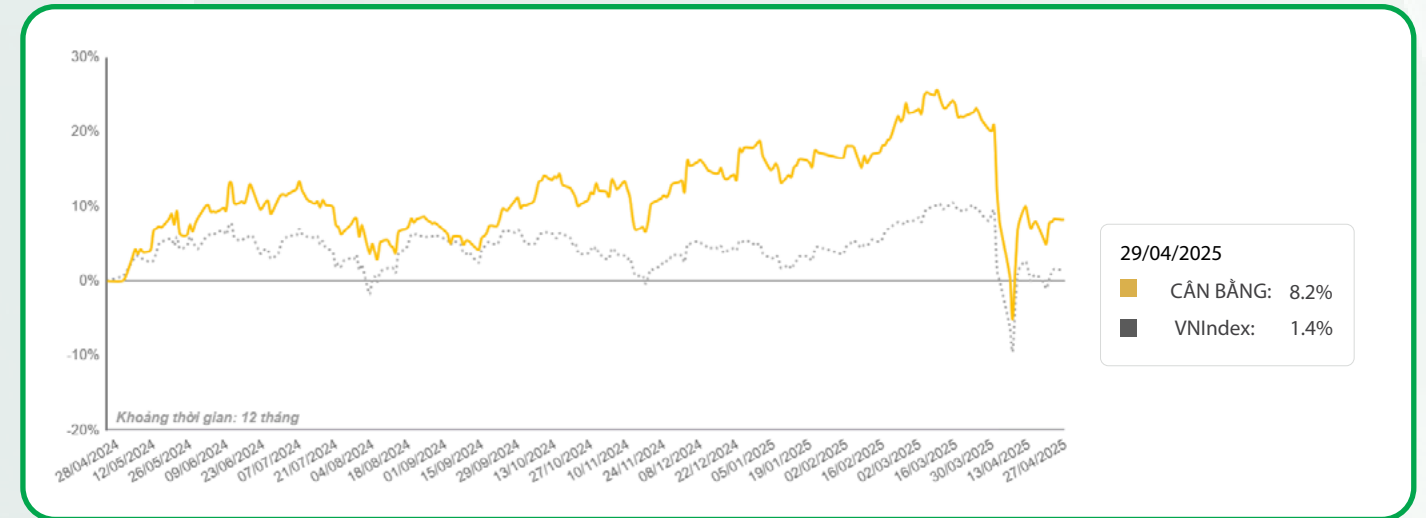
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC CÂN BẰNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTG	Tăng trưởng	Ngân hàng	49	37.2	31.7%	34 - 36.5	7.9	1.4	4,805
GAS	Phòng thủ	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66	58.1	13.6%	52 - 56	13.1	2.3	4,587
LHG	Tăng trưởng	Bất động sản	54	27.2	98.5%	24 - 26	5.0	0.8	5,320
MBB	Tăng trưởng	Ngân hàng	24.2	23.55	2.5%	22 - 23	5.8	1.2	4,049
TCB	Tăng trưởng	Ngân hàng	26.5	26.2	1.1%	24.5 - 25.5	8.7	1.2	3,013

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

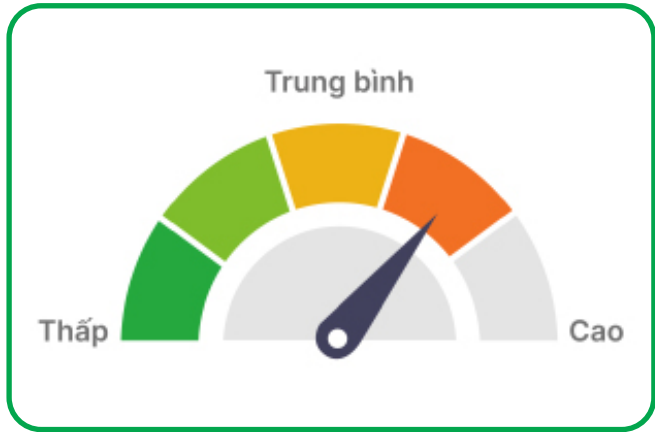
DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- ✓ Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- ✓ Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- ✓ Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

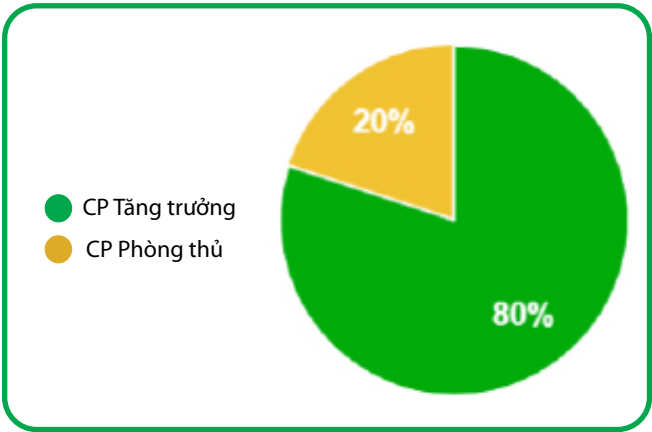
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

22-25%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB	Phòng thủ	Ngân hàng	32.5	24.05	35.1%	22.2 - 23.2	20%	6.5	1.2
ACV	Tăng trưởng	Cảng - Vận tải	113.4	94.1	20.5%	85 - 90	20%	19.7	3.4
HPG	Tăng trưởng	Thép	35.8	25.45	40.7%	23.5 - 25	20%	13.6	1.4
KBC	Tăng trưởng	BĐS Khu công nghiệp	40.6	23.1	75.8%	20 - 22	20%	45.8	0.9
KDH	Tăng trưởng	BĐS Dân cư	42.7	26.65	60.4%	25 - 26	20%	30.5	1.5

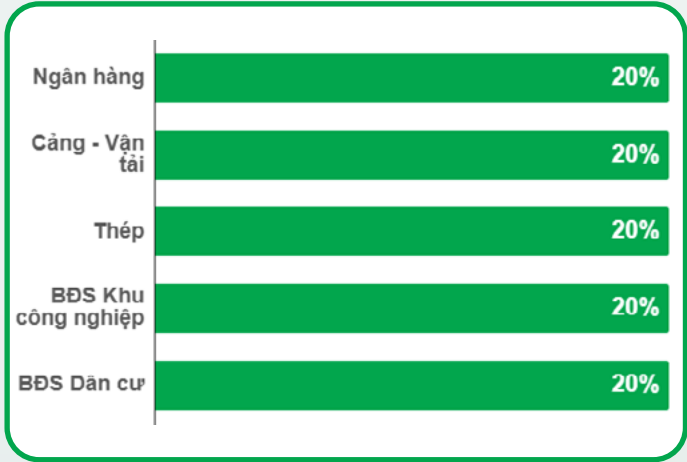
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

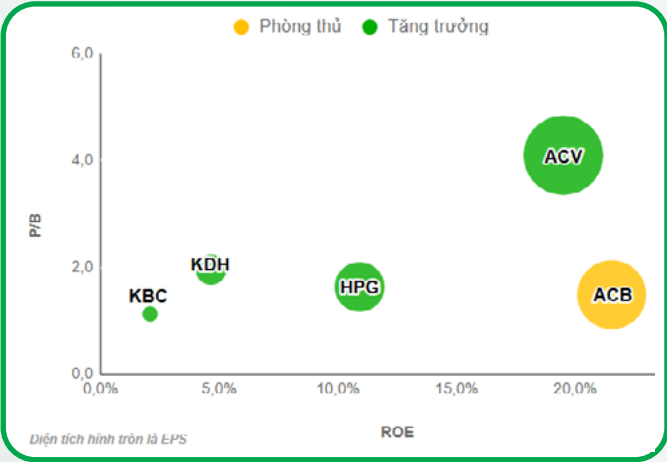
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

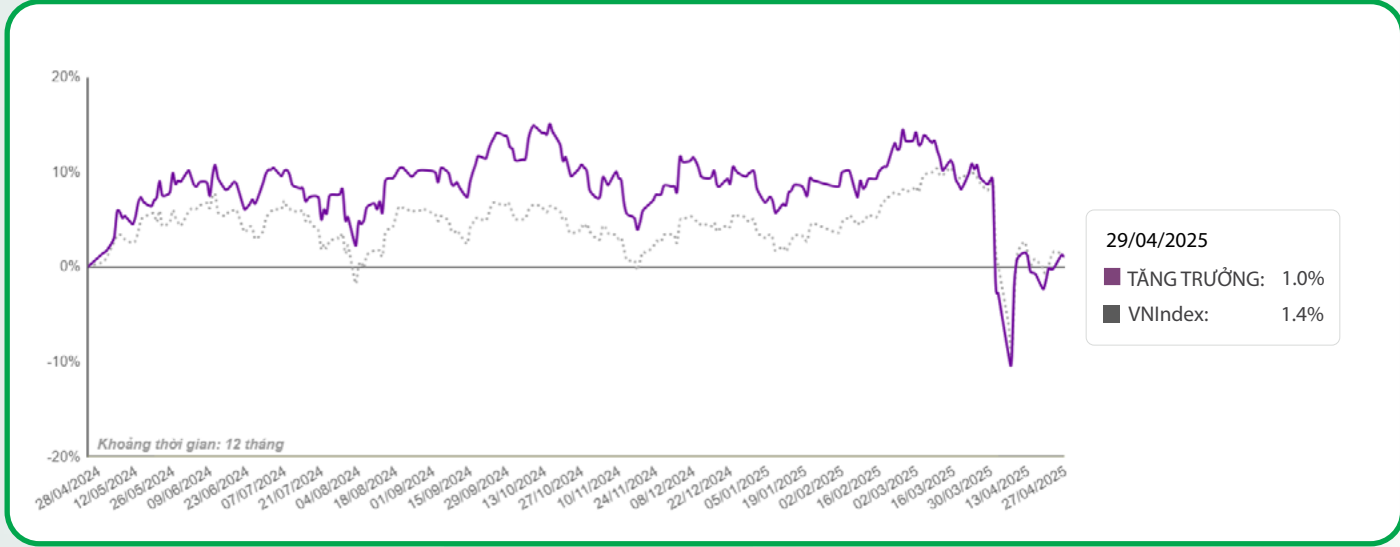
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

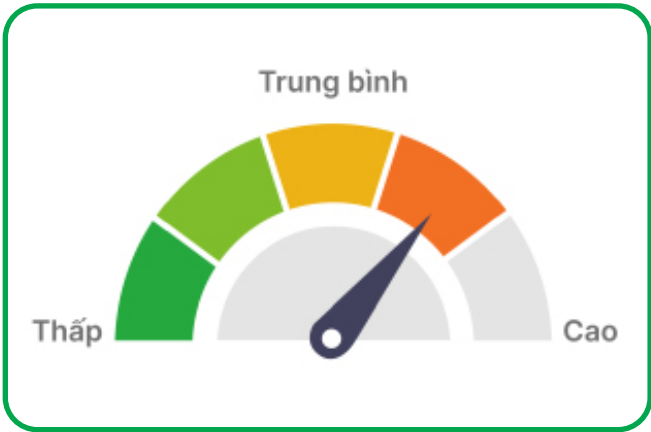
Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BSR	Phòng thủ	Dầu khí	18	15.95	12.9%	14.3 - 15.3	78.9	0.9	197
HAH	Tăng trưởng	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68	64.5	5.4%	54 - 57	9.5	2.2	6,779
HDG	Phòng thủ	Bất động sản	30.9	23.4	32.1%	20.5 - 22	22.6	1.3	1,584
NLG	Tăng trưởng	Bất động sản	38.7	28.55	35.6%	25.5 - 27	15.1	1.1	1,827
PVD	Tăng trưởng	Dầu khí	20.5	17.25	18.8%	16 - 17	14.1	0.6	1,246

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

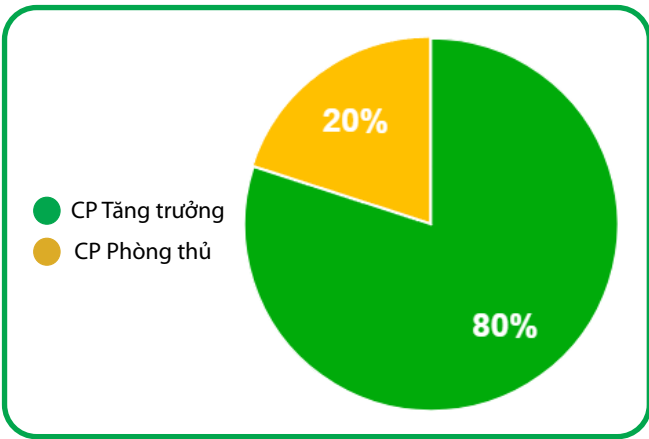
DANH MỤC MIDCAP

- ✓ Danh mục đầu tư MIDCAP tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa, thường có vốn hóa thị trường từ 5,000 – 15,000 tỷ đồng. Các cổ phiếu Midcap có tiềm năng tăng trưởng cao hơn các công ty Largecap vì chúng có nhiều dư địa phát triển hơn. Tuy nhiên, Midcap cũng đi kèm với rủi ro cao hơn Largecap vì các công ty này thường ít ổn định hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường.
- ✓ MIDCAP là một lựa chọn đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và muốn kiếm lợi nhuận cao.

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC MIDCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DBC	●	Chăn nuôi	31	27.4	13.1%	24 - 25.5	6.98	1.3	3,930
DDV	●	Hóa chất - Phân bón	25	22	13.6%	18.5 - 20	12.3	1.7	1,805
DPM	●	Hóa chất - Phân bón	36.8	33.8	8.9%	30.7 - 32	26.7	1.1	1,223
DXG	●	BĐS Dân cư	19	15.15	25.4%	13.3 - 14.6	43.7	1.3	368
HDG	●	BĐS Dân cư	30.9	23.4	32.1%	20.5 - 22	22.6	1.3	1,584
HSG	●	Thép	23	14.15	62.5%	12 - 13.3	18.4	0.8	749
IJC	●	BĐS Dân cư	13.5	11.6	16.4%	10.8 - 11.3	10.2	0.9	1,146
PVD	●	Dầu khí	20.5	17.25	18.8%	16 - 17	14.1	0.6	1,246
PVT	●	Cảng - Vận tải	34.6	20.9	65.6%	18.5 - 20	6.9	0.9	3,026
TCH	●	BĐS Dân cư	19	16.95	12.1%	15.8 - 16.6	11.7	1.2	1,276

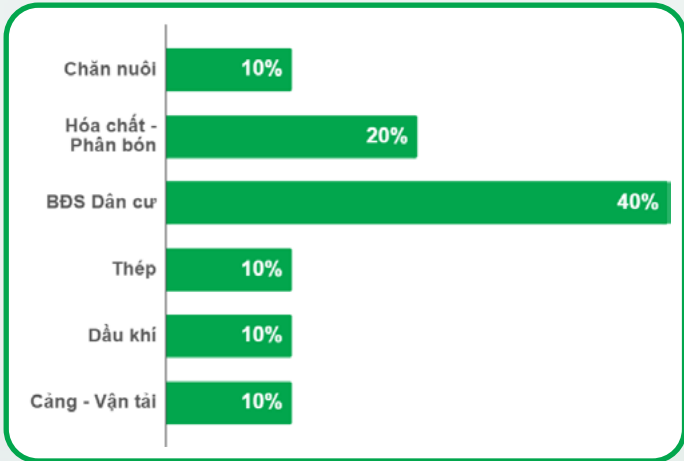
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

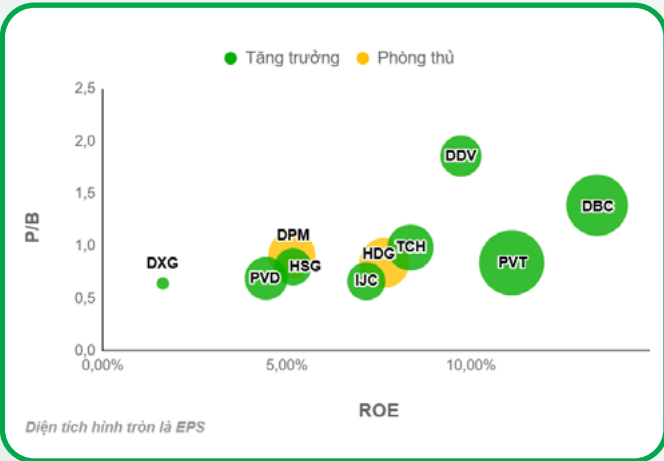
Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

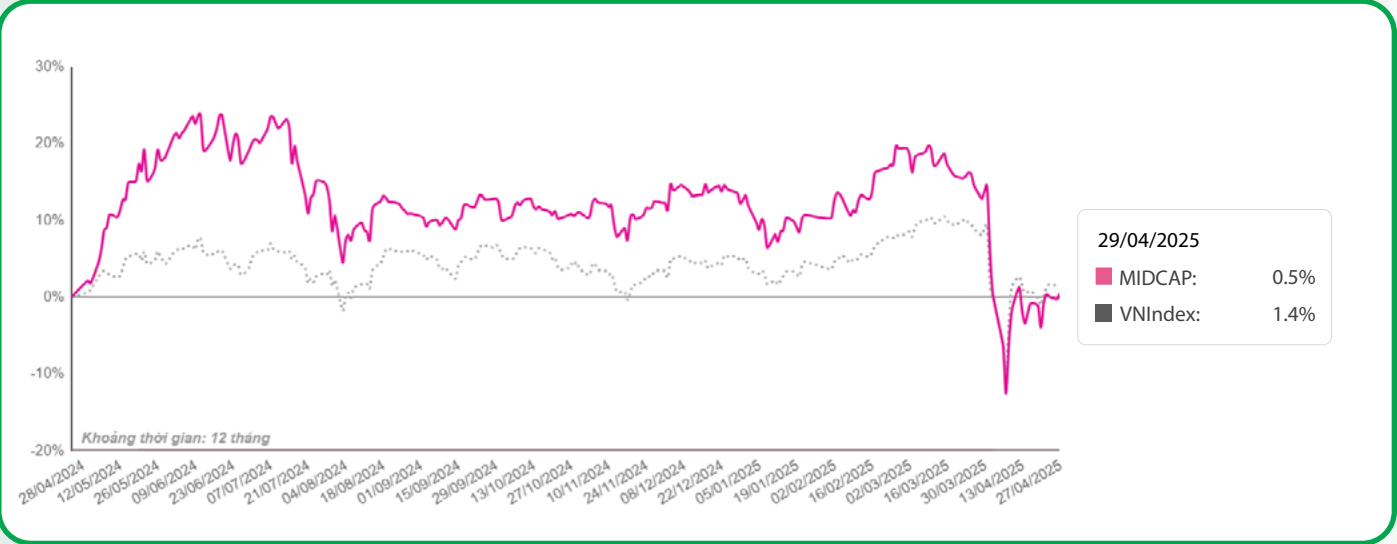
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC MIDCAP



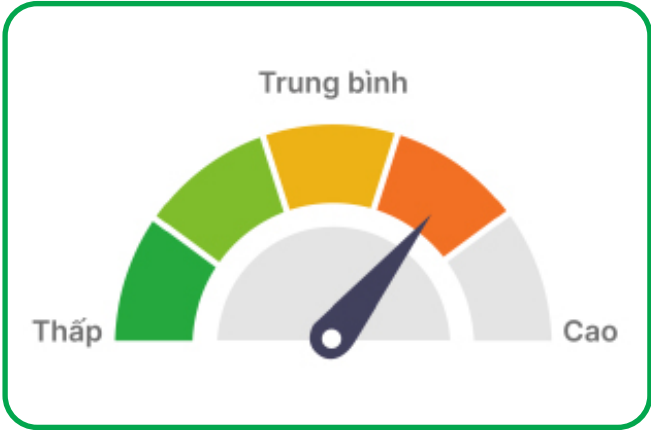
DANH MỤC SMALLCAP

- ✓

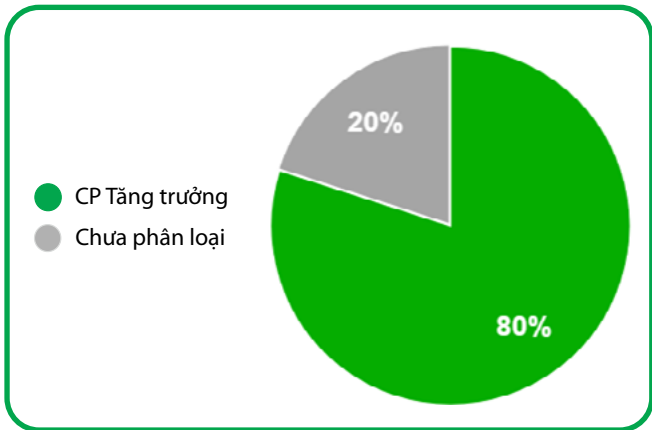
Danh mục đầu tư SMALLCAP tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, thường có vốn hóa thị trường dưới 5,000 tỷ đồng. Mục tiêu của danh mục nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những "ngôi sao tương lai" giúp nhà đầu tư sớm phát hiện những công ty tiềm năng trước khi chúng trở nên nổi tiếng và tăng giá mạnh.
- ✓

Các cổ phiếu Smallcap thường biến động mạnh hơn so với các cổ phiếu vốn hóa lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường, tin tức. Danh mục phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, chấp nhận rủi ro cao để kiếm lợi nhuận đột phá.

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC SMALLCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DPG	●	Xây dựng	58	51.1	13.5%	44.5 - 48	13.7	1.6	3,738
DRC	●	Ô tô - Phụ tùng	27.9	18.95	47.2%	16.5 - 18	11.6	1.2	1,615
ELC	●	Công nghệ - Viễn thông	25	21.3	17.4%	18 - 20	19.7	2.0	1,125
GEG	●	Điện	16.3	14.1	15.6%	12.5 - 13.5	50.2	1.3	955
HAX	-	Ô tô - Phụ tùng	16.1	14.85	8.4%	13 - 14	14.7	1.3	1,004
LHG	●	BDS Khu công nghiệp	54	27.2	98.5%	24 - 26	5.0	0.8	5,320
PVP	●	Cảng - Vận tải	15.5	13.7	13.1%	12 - 13	7.0	0.8	1,939
TNG	-	Dệt may	26.7	16.8	58.9%	14 - 15.5	6.4	1.1	2,580
VLB	●	Vật liệu - Xây dựng	46.5	41.6	11.8%	39 - 41	8.8	2.8	4,811
VTO	●	Cảng - Vận tải	14.5	12.65	14.6%	11 - 12	9.8	0.9	1,285

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

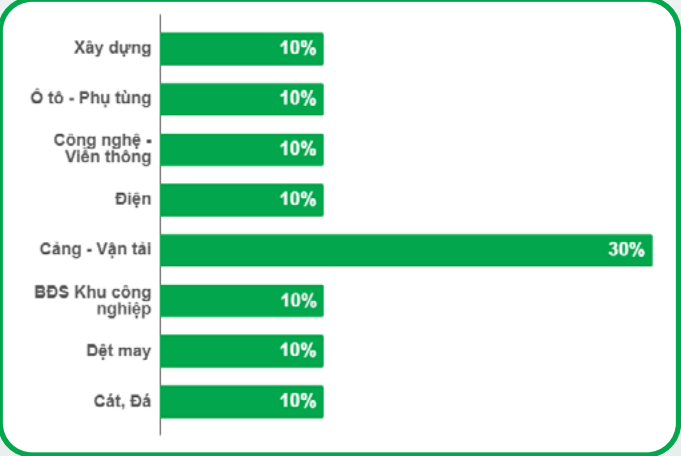
● Cổ phiếu Tăng trưởng
 ● Cổ phiếu Phòng thủ
 - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025

*Đơn vị: nghìn đồng

PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



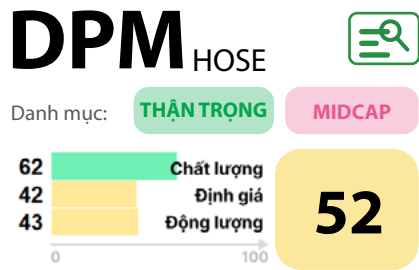
TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC SMALLCAP



ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP



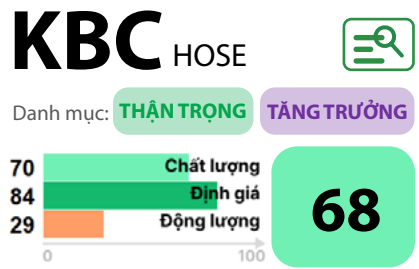
KQKD Q1/2025 thấp hơn kỳ vọng với LNTT đạt 203 tỷ đồng (-37% YoY), so với ước tính của chúng tôi tại 360 tỷ đồng do giá bán khí cao hơn dự kiến và tỷ giá USD/VND tăng. Doanh thu Q1/2025 đạt 3.692 tỷ đồng (+11% YoY) nhờ sản lượng NPK tăng mạnh. Sản lượng NPK đạt 37.409 tấn (+50% YoY), sản lượng Ure Q1/2025 đạt 236.353 tấn (-4% YoY), , NH3 đạt 11.719 tấn (-23% YoY). Giá khí Q1/2025 đạt 9,7\$/Mmbtu (-10% YoY).

Kế hoạch 2025 thận trọng với doanh thu đạt 12.876 tỷ đồng (-5,7% YoY) với sản lượng Ure đạt 800 nghìn tấn (-10% YoY), NPK tại 175 nghìn tấn (+19% YoY), LNST đạt 320 tỷ đồng (-42% YoY). Lý do kế hoạch thận trọng vì:Thuế VAT dự tính tiết kiệm 200 tỷ đồng chi phí nhưng không

đồng nghĩa có thêm 200 tỷ lợi nhuận do phải chia sẻ bớt cho nông dân qua các chương trình khuyến nông. Nhà máy sẽ dừng bảo dưỡng trong 45 ngày trong Q4/2025 so với bảo dưỡng trung bình 30 ngày. Tổng chi phí bảo dưỡng 400 tỷ đồng và đã được lập dự phòng 253 tỷ trong năm 2024).

Hiện tại ảnh hưởng thuế quan đối ứng của Mỹ thấp do doanh nghiệp không xuất khẩu trực tiếp qua Mỹ. Vấn đề ảnh hưởng sẽ tăng cao khi Trung Quốc không xuất khẩu nông sản qua Mỹ và áp lực lên giá bán nông sản ở các thị trường khác.

"KQKD Q1/2025 thấp hơn kỳ vọng với LNTT đạt 203 tỷ đồng (-37% YoY)."



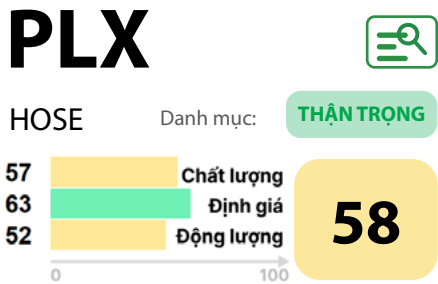
Chúng tôi cho rằng lợi thế của KBC trong lĩnh vực phát triển KCN sẽ tiếp tục duy trì, đến từ: 1/ Các dự án tập trung tại các thị trường cấp I (Miền Bắc với Hải Phòng, Bắc Ninh; Miền Nam với Tp.HCM, Long An) với nhu cầu thuê đất cao và hạ tầng phát triển; 2/ Các khách hàng của KBC là các doanh nghiệp FDI quy mô lớn (LG, Foxconn,...), tạo nên uy tín của KBC đối với các doanh nghiệp có nhu cầu thuê đất tại Việt Nam.

Dự kiến khu đô thị Tràng Cát (585ha, Hải Phòng) sẽ hoàn thành chủ trương đầu tư và đóng tiền sử dụng đất trong 2025 và sẽ mang lại doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp trong giai đoạn 2026 trở về sau. Cho năm 2026, chúng tôi

ước tính dự án sẽ đóng góp 5,3 nghìn tỷ đồng doanh thu (tương ứng đóng góp 40% tổng doanh thu) cho KBC.

Trong giai đoạn 2025-2026, công ty sẽ tiếp tục tập trung vào đầu tư dự án KĐT Tràng Cát; ngoài ra số dư tại các KCN (đặc biệt các KCN phía nam) sẽ tăng lên. Theo ước tính, KBC sẽ cần ~15 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2025-2026 để đầu tư cho các dự án BĐS. Ngoài sử dụng đòn bẩy tài chính, việc phát hành riêng lẻ cổ phần trong 2025 cũng sẽ là nguồn tài chính phù hợp cho doanh nghiệp.

"KBC tiếp tục duy trì vị thế trong lĩnh vực phát triển khu công nghiệp với các dự án quy mô lớn."



Kế hoạch năm 2025: Sản lượng bán xăng dầu đạt 17,01 triệu tấn (+8% YoY). Đóng góp từ doanh số bán lẻ dự kiến tăng lên 27% (2024: 25,8%). Doanh thu ước tính đạt 248.000 tỷ đồng (-13% YoY) và LNST báo cáo đạt 3200 tỷ đồng (-19% YoY), Hiện tại PLX chưa chia sẻ về ước tính KQKD Q1, tuy nhiên chúng tôi nhận thấy Q1 thường là thời điểm thấp điểm của doanh nghiệp, bên cạnh đó doanh nghiệp có chia sẻ về những thách thức biến động giá dầu khi mà tồn tại chênh lệch giá lượng tồn kho của doanh nghiệp với mức giá xăng dầu giá thấp hiện tại.

Trong Q1/2025, PLX tiến hành tái cơ cấu doanh nghiệp với hai động thái chính. (1) Doanh nghiệp quyết định thoái toàn bộ 100% vốn tại Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào (1,89 triệu USD); (2) Ngày 28/3/2025, PLX đã được Đại hội cổ đông thông qua phương án sáp nhập Tổng Công ty

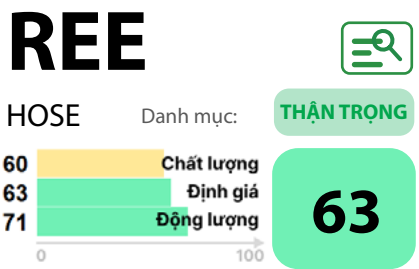
Giá mục tiêu: 37,500
Giá hiện tại: 33,250
Lợi nhuận kỳ vọng: 12.8%
Vùng mua: 31,500 - 33,000

+/- Doanh thu (Q1/25): -9.6%
+/- LNST (Q1/25): -87.6%
EPS: 1,530
ROE: 6.7%

Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) vào tập đoàn nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả và tập trung vào lĩnh vực cốt lõi. Ngoài ra, PLX đặt mục tiêu giảm tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) từ 79% xuống 51%-65% trong dài hạn. Đối với Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex (PGCC), PLX định hướng thoái toàn bộ vốn tại PGCC theo chỉ đạo từ cơ quan chủ quản.

PLX tiếp tục kế hoạch tăng vốn cổ phần của công ty, với vốn cổ phần dự kiến là 20 nghìn tỷ đồng. PLX dự kiến sử dụng vốn góp bổ sung của công ty và lợi nhuận giữ lại để tăng vốn cổ phần.

"PLX tiến hành tái cơ cấu doanh nghiệp trong Q1/2025 bằng việc thoái vốn Petrolimex Lào và thông qua phương án sáp nhập Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex vào tập đoàn."



Trong Q1/2025, REE ghi nhận doanh thu thuần đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+13% YoY, -11% QoQ). Mức tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng điện nước với doanh thu đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+30% YoY, -2% QoQ), nhờ sản lượng điện cải thiện nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi trong chu kỳ La-Nina. Mảng bất động sản cũng tăng nhẹ (+9% YoY, +5% QoQ). Ngược lại, doanh thu từ mảng cơ điện lạnh giảm mạnh (-18% YoY, -35% QoQ), ảnh hưởng đến tổng quy mô doanh thu của công ty.

Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 46% (+560 bps YoY, +240 bps QoQ), tương ứng lợi nhuận gộp đạt khoảng 950 tỷ đồng (+5,6% YoY, +2,4% QoQ). Sự cải thiện này chủ yếu

Giá mục tiêu: 84,300
Giá hiện tại: 69,300
Lợi nhuận kỳ vọng: 21.6%
Vùng mua: 61,000 - 65,000

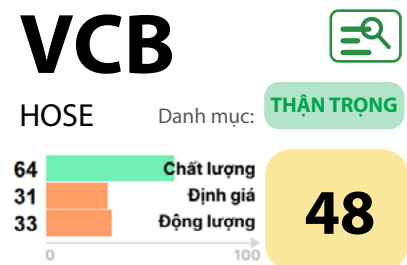
+/- Doanh thu (Q1/25): 12.6%
+/- LNST (Q1/25): 27.2%
EPS: 4,511
ROE: 9.6%

nhờ giá vốn hàng bán không biến động đáng kể trong kỳ (+2% YoY, +15% QoQ).

LNST CĐ công ty mẹ đạt 611 tỷ đồng (+27.2% YoY, +101% QoQ), với biên lợi nhuận ròng cải thiện hồi phục nhờ chi phí tài chính giảm nhẹ (-15% YoY). Tính đến hết Q1/2025, công ty đã hoàn thành 20% kế hoạch doanh thu và 34% kế hoạch LNST năm.

"Định hướng phát triển: Mở rộng công suất gấp 3 lần đến năm 2030, tham gia cơ chế bán điện trực tiếp (DPPA) và đầu tư vào các dự án cao tầng dọc trục đường giao thông, kết nối với đường Vành đai 3 và các tuyến đường sắt đô thị."



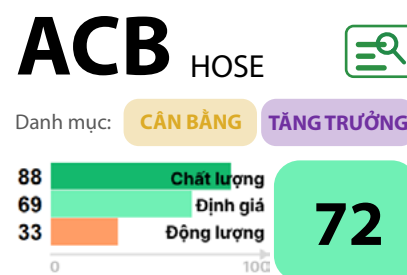


Kế hoạch kinh doanh 2025: Vietcombank đặt mục tiêu tổng tài sản tăng 10% trong năm 2025, gần 2,3 triệu tỷ đồng; Huy động vốn thị trường 1 dự kiến cũng tăng 8% và được điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng tín dụng được giao; Tín dụng dự kiến tăng tối đa 16,28% và điều chỉnh phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng được giao; Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%; LNTT hợp nhất tăng 3,5%.

Phương án phân phối lợi nhuận 2024: Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn LN còn lại sau khi được NHNN phê duyệt. Phương án tăng vốn điều lệ: (1) Triển khai phương án phát hành riêng lẻ 6,5% VDL tại thời điểm chào bán cho tối đa 55 nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Việc chào bán

cổ phiếu riêng lẻ có thể thực hiện theo một hoặc nhiều đợt chào bán trong năm 2025 – 2026. Hiện nay VCB đã tiếp cận một số NĐT tiềm năng và nhận được phản hồi tích cực và đặt mục tiêu phấn đấu hoàn thành phát hành riêng lẻ trong năm nay. (2) KH phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để lại năm 2022-2023 (đã được ĐHCĐ thông qua tại các kỳ trước) và quỹ dự trữ bổ sung VDL đang được VCB xây dựng phương án để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. LN để lại của năm 2022 và 2023 lần lượt là 21.680 tỷ đồng và 22.770 tỷ đồng.

"Tác động của chính sách thuế quan đối ứng tới VCB là tương đối lớn do thị phần lĩnh vực thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của VCB chiếm khoảng 20% thị trường."

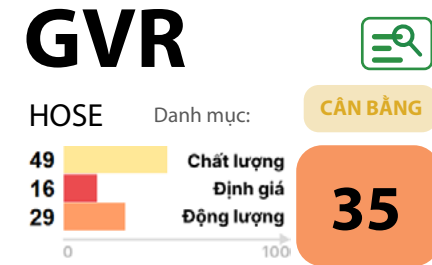


KQKD Q1/2025: Tổng thu nhập hoạt động đạt 7,9 nghìn tỷ đồng (-3% YoY) và LNTT đạt 4,6 nghìn tỷ đồng (-6% YoY). Thu nhập lãi thuần hợp nhất đạt 6,3 nghìn tỷ đồng (-5% YoY). Thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 870 tỷ đồng, tăng 17% YoY. ROAE giảm về 21,0% (2024: 22,3%) và BVPS là 19,500 đồng, tương ứng định giá P/B hiện tại là 1,24 lần.

CP hoạt động giảm 3% YoY, qua đó CIR ổn định tại 32.6%. CP dự phòng rủi ro tín dụng tăng 22 YoY lên 626 tỷ đồng, và sau đó xử lý rủi ro gần 1 nghìn tỷ đồng. Trước xử lý rủi ro, nợ xấu tăng 1,2 nghìn tỷ đồng, mức cao trong vòng 4 quý gần nhất, và nhiều khả năng bị ảnh hưởng bởi phần dư nợ được tái cơ cấu TT02 (đã hết hiệu lực) là khoảng 1 nghìn tỷ đồng. So với quý trước, tỷ lệ nợ xấu đi ngang ở mức 1,49% nhưng nợ nhóm 2 lại tăng 52% QoQ so với quý trước lên

Giá mục tiêu:	76,500
Giá hiện tại:	57,300
Lợi nhuận kỳ vọng:	33.5%
Vùng mua:	54,000 - 56,700

+/- Doanh thu (Q1/25):	-2.8%
+/- LNST (Q1/25):	1.4%
EPS:	6,038
ROE:	17.5%



GVR đã công bố KQKD quý 4/2024 với doanh thu đạt 9,3 nghìn tỷ đồng (+23% YoY và +21% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 2,0 nghìn tỷ đồng (77 triệu USD; +69% YoY và +109% QoQ). Lợi nhuận tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước nhờ được thúc đẩy bởi mức tăng cao đối với doanh thu và biên lợi nhuận gộp của mảng cao su, khi giá bán trung bình cao su tăng chủ yếu do nguồn cung hạn chế.

Trong năm 2024, doanh thu của GVR đã tăng 19% YoY lên mức 26,3 nghìn tỷ đồng và LNST sau lợi ích CĐTTS đã tăng mạnh 61% YoY lên mức 4,2 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 99% và 129% dự báo của chúng tôi.

Lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh mủ cao su và sản

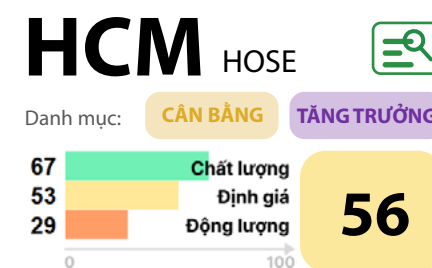
phẩm cao su đã tăng 63% YoY lên mức 5,7 nghìn tỷ đồng trong năm 2024 (chiếm 83% lợi nhuận gộp của GVR). Chúng tôi cho rằng sự cải thiện đối với doanh thu và biên lợi nhuận gộp mảng này chủ yếu được thúc đẩy bởi mức tăng so với cùng kỳ năm trước của giá bán cao su.

Tổng thu nhập tài chính, thu nhập ròng từ công ty liên kết và thu nhập ròng khác được ghi nhận trong năm 2024 là 2,1 nghìn tỷ đồng (-4% YoY), tương đương 114% dự báo của chúng tôi.

"KQKD khả quan của mảng cao su thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận năm 2024"

Giá mục tiêu:	27,500
Giá hiện tại:	24,300
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.2%
Vùng mua:	21,000 - 23,000

+/- Doanh thu (Q1/25):	23.8%
+/- LNST (Q1/25):	149.1%
EPS:	1,241
ROE:	8.5%



KQKD Q4/2024 của HCM tích cực với LNST đạt 227 tỷ đồng, tăng 26,6% svck và tăng 2,1% QoQ. Lợi nhuận tăng chủ yếu được đẩy mạnh nhờ cho vay ký quỹ (doanh thu đạt 510 tỷ đồng, tăng 59,4% svck) và lợi nhuận hoạt động đầu tư FVTPL (đạt 108 tỷ đồng, tăng 111,5% svck). Trong kỳ, thị phần của HCM tiếp tục tăng lên 6,75% so với 6,65% của quý trước và 5,35% của cùng kỳ. LNST cả năm 2024 đạt 1.040 tỷ đồng, tăng 54,2% svck và tăng nhẹ 1,6% so với dự báo cả năm của chúng tôi.

Sau hơn 3 năm chậm mở rộng quy mô vốn và tập trung vào nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài, thị phần của HCM đã giảm đi đáng kể trước sự gia tăng mạnh mẽ của nhóm NĐT cá nhân và diễn biến liên tục tăng vốn của công ty đối thủ. Với nguồn vốn huy động mới trong Q2/2024,

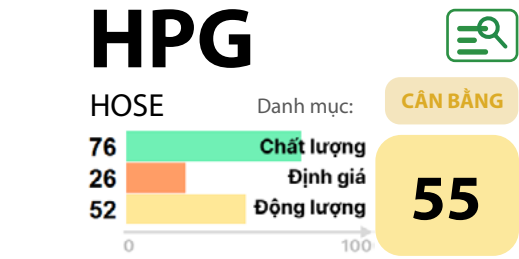
cùng kế hoạch tăng vốn mạnh trong năm 2025 (ước tính vốn điều lệ của HCM tăng lên 10.808 tỷ đồng trong năm 2025 so với 7.208 tỷ đồng của 2024) và sự quay trở lại mua ròng của khối ngoại trước thời điểm nâng hạng là động lực lớn cho HCM duy trì đà tăng trưởng cao và lấy lại thị phần trong thời gian tới.

Chúng tôi ước tính, LNST của HCM sẽ tăng trưởng +41,6% trong năm 2025 và tiếp tục tăng trưởng 21,1% trong năm 2026 nhờ động lực chính đến từ mảng cho vay ký quỹ.

"Kế hoạch tăng vốn mạnh trong năm 2025, sự quay trở lại mua ròng của khối ngoại trước thời điểm nâng hạng là động lực lớn cho HCM."

Giá mục tiêu:	29,000
Giá hiện tại:	25,250
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.9%
Vùng mua:	23,000 - 24,500

+/- Doanh thu (Q1/25):	295.4%
+/- LNST (Q1/25):	-18.1%
EPS:	1,394
ROE:	9.5%



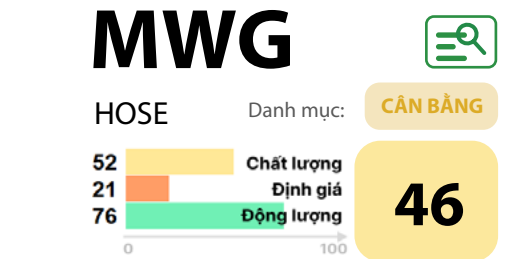
Doanh thu Q1 đạt 37,6 nghìn tỷ đồng (+22%YoY, +9%QoQ) và LN góp đạt 5.424 tỷ đồng (+31%YoY, +24%QoQ), với kết quả tích cực đến từ việc đưa DQ02 (giai đoạn 1) vào hoạt động và có sản phẩm thương mại trogn tháng 3/25. Biên GPM đạt 14,4% (tăng nhẹ so với các quý trước) là kết quả kinh doanh tương đối tích cực. Biên LN góp duy trì ở mức cao, đến từ việc giá thành phẩm ổn định (để cập trong các note trước) trong khi giá nguyên liệu đầu vào (quặng sắt, than cốc) có mức giảm lần lượt 4% và 7% trong tháng 3,

Chi phí SG&A đạt 1.085 tỷ đồng (SG&A/doanh thu đạt 2,9%,tăng lên so với quý trước do bắt đầu đưa sản phẩm của DQ02 vào bán hàng thương mại), chi phí tài chính ròng đạt 533 tỷ đồng (+69% QoQ, ngoài do chi phí lãi vay

tăng còn đến từ lãi tiền gửi và lãi từ chênh lệch tỷ giá giảm xuống – công ty tập trung vào đơn hàng nội địa). Qua đó, LN ròng đạt 3.350 tỷ đồng (+17%YoY, +19%QoQ).

Nhìn chung, KQKD của công ty là tích cực, khi biên LN được cải thiện và doanh nghiệp ghi nhận doanh thu tăng trưởng (từ các đơn hàng đầu tiên của nhà máy DQ02). Hiện chúng tôi dự phòng LNST của doanh nghiệp trong 2025 đạt 18,7 nghìn tỷ đồng (+56%YoY).

“KQKD quý 1/2025 khá tốt với LNST tăng 15% YoY, dù quý 1 thường là mùa thấp điểm của thép xây dựng.”



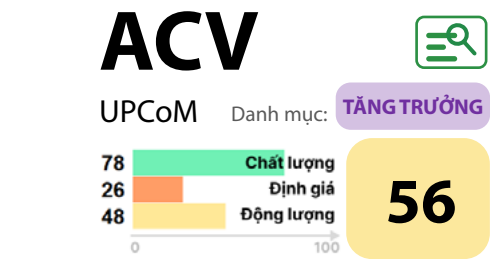
Doanh thu thuần Q1/2025 đạt 36.135 tỷ đồng (+14,8% YoY), phù hợp kỳ vọng chuyên viên, cụ thể ở từng chuỗi như sau:

(1) Chuỗi TGDĐ, đạt 8.301 tỷ đồng (+22,1%YoY), hoàn toàn dựa trên cải thiện doanh thu trên mỗi cửa hàng (đạt 2,33 tỷ đồng/tháng, +28,5% YoY) khi TGDĐ không mở thêm cửa hàng nào mới trong quý này. Tăng trưởng của chuỗi vượt xa mức tăng trưởng ngành ICT (0-5% YoY, theo GFK); (2) Chuỗi ĐMX, đạt 15.952 tỷ đồng (+9,7% YoY) tương tự TGDĐ, tăng trưởng chủ yếu từ doanh thu mỗi cửa hàng đạt 2,62 tỷ đồng (+18,2% YoY); (3) Chuỗi BHX, đạt 11.008 tỷ đồng (+20,1% YoY) chủ yếu đến từ việc mở mới 232 cửa hàng trong quý tại miền Trung.

LNST Cty Mẹ đạt 1.546 tỷ đồng (+71,3% YoY), tương

Giá mục tiêu:	35,800
Giá hiện tại:	25,450
Lợi nhuận kỳ vọng:	40.7%
Vùng mua:	23,500 - 25,000

+/- Doanh thu (Q1/25):	21.9%
+/- LNST (Q1/25):	16.5%
EPS:	1,984
ROE:	11.0%



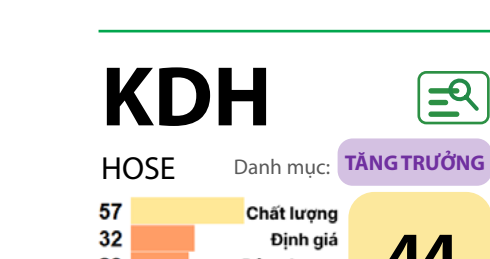
Chính phủ vừa quyết định chuyển dịch vụ an ninh hàng không (ASS) từ ACV sang Bộ Công an. Theo quan điểm của chúng tôi, việc chuyển giao này sẽ làm doanh thu thuần của ACV giảm nhẹ nhưng cũng phần nào tác động tích cực lên lợi nhuận thuần. Dịch vụ này đóng góp 1,6 nghìn tỷ đồng (7% doanh thu năm 2024) nhưng lại tạo ra một khoản lỗ nhẹ do chi phí lao động cao.

Chúng tôi dự phóng lợi nhuận của ACV đạt 11,4 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 và 12,7 nghìn tỷ đồng trong năm 2026 – cho thấy mức tăng trưởng với tốc độ CAGR giai đoạn 2024-2026 là 11%, nhờ lưu lượng hành khách tăng bình quân 9,5% mỗi năm. Trong khi đó, dự báo được đưa ra lần đầu cho năm 2027 cho thấy lợi nhuận giảm 35% so với cùng kỳ, phản ánh chi phí khấu hao và chi phí lãi vay

tăng cao (dựa trên dự báo năm 2027 là năm đầu tiên sân bay quốc tế Long Thành vận hành đủ một năm). Đáng lưu ý, dự báo lợi nhuận sơ bộ cho giai đoạn 2028-2030 cho thấy mức tăng trưởng 30% cho mỗi năm nhờ công suất hoạt động của sân bay quốc tế Long Thành cải thiện.

Với việc hoàn tất cổ phần hóa và vấn đề định giá tài sản khu bay dự kiến sẽ được giải quyết trong năm nay, ACV sẽ đủ điều kiện để chuyển niêm yết cổ phiếu sang HSX. Do nhiều quỹ đầu tư bị hạn chế giao dịch trên sàn UPCoM, nên việc chuyển niêm yết sẽ loại bỏ rào cản này.

“Sân bay quốc tế Long Thành đi vào vận hành sẽ cải thiện đáng kể triển vọng dài hạn của ACV thông qua việc mở rộng thêm công suất tại miền Nam.”



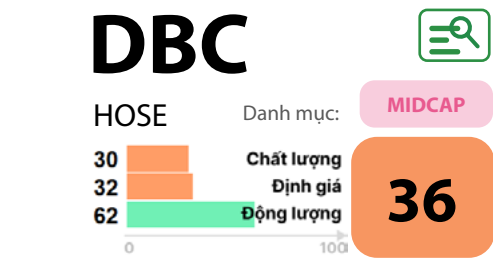
Giai đoạn 2025 – 2029 sẽ mở ra chu kỳ tăng trưởng mới của KDH khi doanh nghiệp bước vào giai đoạn mở bán và bàn giao các dự án quy mô lớn (Gladia, Solina, KDC Phong Phú 2,...). Đây là lý do chúng tôi cho rằng KDH có đầy đủ điều kiện để đón đầu làn sóng phục hồi của thị trường bất động sản, đặc biệt tại TP. HCM.

Năm 2025 sẽ là bước ngoặt trong chu kỳ phát triển này, với doanh thu và lợi nhuận sau thuế - cổ đông mẹ ước đạt 7.400 tỷ đồng (+127%YoY) và 1.114 tỷ đồng (+38% YoY) nhờ bàn giao The Privia và mở bán dự án Foresta. Với tổng quy mô ~200 căn thấp tầng sẽ được mở bán vào Q2/2025, giá bán dự kiến ~11.000 - 11.500 USD/m², chúng tôi kỳ vọng dự án này sẽ đóng góp 5.200 tỷ đồng doanh số bán

hàng và 4.800 tỷ đồng doanh thu trong năm 2025.

KDH duy trì nền tảng tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay/Vốn chủ sở hữu chỉ ở mức 58% tính đến cuối năm 2024 – thấp hơn đáng kể so với trung bình ngành. Cấu trúc vốn an toàn cùng chính sách kiểm soát đòn bẩy hiệu quả là “chìa khóa” giúp Công ty giữ được sự ổn định trong nhiều giai đoạn biến động của thị trường Bất động sản.

“Tiềm năng lợi nhuận vững chắc đến từ bàn giao các sản phẩm thấp tầng tại The Foresta và The Solina trong giai đoạn 2025-2026.”



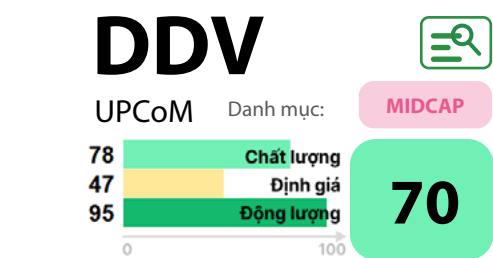
KQKD năm 2024 của DBC tích cực với doanh thu cả năm tăng trưởng 22% svck, đạt hơn 13,5k tỷ đồng, trong đó riêng mảng 3F (TACN + chăn nuôi và thực phẩm) đạt hơn 12,6k tỷ đồng +29,8% svck. Dù năm 2024 không có doanh thu từ BDS (mảng có biên lợi nhuận cao) nhưng nhờ giá bán heo hơi trung bình năm cao hơn ~14,7% svck và giá bán heo giống trung bình tăng trên 30% svck vẫn giúp các chỉ số biên lợi nhuận của DBC tiếp tục cải thiện. Qua đó, đưa EBIT của cty đạt 1.071 tỷ +229,2% yoy. LNST DBC cả năm đạt 769 tỷ đồng so với cùng kỳ chỉ là 25 tỷ đồng tức tăng 2.975,4% svck.

Chúng tôi kỳ vọng giá heo hơi sẽ duy trì ở mức cao tại ngưỡng trên 72.000 đồng/kg tới giữa tháng 4/2025 khi (1) dịch bệnh tại một số địa phương ở miền Bắc tiếp tục diễn biến phức tạp khiến nguồn cung còn suy giảm, (2)

diễn biến phức tạp khiến nguồn cung còn suy giảm, (2) nguồn cung tại phía Nam tiếp tục thiếu hụt cho tới tháng 5/2025 và (3) nguồn cung heo bổ sung qua các đường biên giới bị thắt chặt. Tất cả điều này giúp KQKD của DBC sẽ tăng trưởng mạnh trong nửa đầu năm.

Ngoài ra, việc nhập khẩu lượng lớn đàn heo nái trong năm 2023, giúp DBC hưởng lợi từ giá bán heo cai sữa đang tăng cao. Hơn nữa, với việc kỳ vọng vaccine của công ty sớm được cấp phép sản xuất thương mại trong cuối Q1/2025 hoặc đầu Q2/2025 là nguồn thu nhập tiềm năng mới của công ty trong tương lai.

“Kỳ vọng vaccine của công ty sớm được cấp phép sản xuất thương mại sẽ là nguồn thu nhập tiềm năng mới của công ty trong tương lai.”



Trong quý IV/2024, DDV ghi nhận sản lượng sản xuất đạt 62.705 tấn, sản lượng DAP tiêu thụ đạt 60.309 tấn. Tổng doanh thu thuần trong quý đạt 917,8 tỷ đồng, mang lại lợi nhuận sau thuế 58,8 tỷ đồng. Tính cả năm 2024, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 169,5 tỷ đồng.

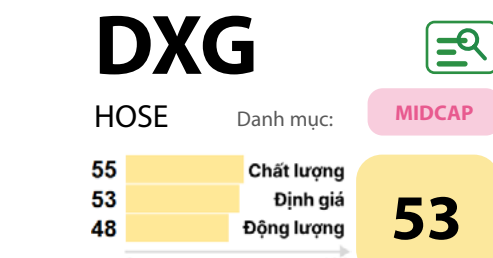
Trong quý I/2025, công ty đặt mục tiêu: Sản lượng DAP sản xuất: 60.000 tấn; Sản lượng DAP tiêu thụ: 60.000 tấn; Tổng doanh thu thuần: 875,134 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 52,56 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị cũng đã phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng quý I/2025 với hàng loạt dự án trọng điểm, bao gồm: Mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất: 2 xe ca, 1 xe con, 3 xe nâng, 1 xe nâng người sửa chữa điện, 1 xe cầu tự hành

15T, 1 máy xúc đào, xe quét đường, và máy xúc lật; Hoàn thành và bàn giao gói thầu dự án “Đẩy chuyển thu hồi P2O5 tồn dư trong bã thạch cao PG”.

Đầu tư sâu về công nghệ để nâng cao chất lượng axit phosphoric và sản xuất phân bón MAP với công suất 60.000 tấn/năm. Triển khai các dự án quan trọng khác như xây dựng bồn chứa axit phosphoric loãng, bổ sung đường dẫn ra cảng nhà máy DAP, và cải tạo khu hành chính. Thúc đẩy các dự án xử lý thạch cao PG để làm vật liệu san lấp và sản xuất Na2SiF6, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về môi trường.

“DDV đạt KQKD ấn tượng trong Q4/2024. Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư trong Q1/2025.”



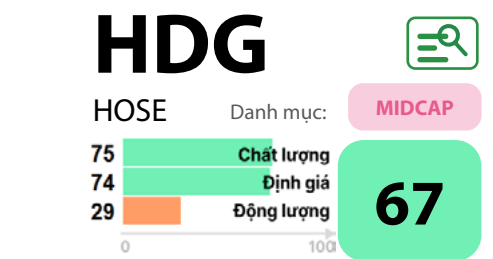
DXG báo cáo lợi nhuận thuần quý 4/2024 đạt 158 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ (234,6%) và quý trước (413,3%). Kết quả này vượt dự báo nhờ số lượng căn hộ bàn giao tại dự án Gem Sky World cao hơn kỳ vọng. Lợi nhuận thuần cả năm 2024 đạt 253 tỷ đồng, tăng 43,2% trên doanh thu 4.733 tỷ đồng (tăng 27,7%). Khác với năm 2023 có khoản lợi nhuận không thường xuyên 263 tỷ đồng từ bán dự án, năm 2024 không ghi nhận khoản mục này. Nếu loại trừ khoản lợi nhuận không thường xuyên này, lợi nhuận hoạt động kinh doanh cốt lõi năm 2024 đã chuyển biến tích cực so với khoản lỗ 87 tỷ đồng của năm 2023.

Doanh thu mảng kinh doanh bất động sản đạt 1.087 tỷ đồng, tăng 82,5% so với quý trước và 1,8% so với cùng

kỳ. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này ở mức 35,5%, thấp hơn đáng kể so với quý 3/2024 (50,4%) và quý 4/2023 (46,9%). Khoảng 1.700 căn hộ còn lại dự kiến sẽ được mở bán lại vào nửa cuối năm 2025.

Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu quý 4/2024 là 0,34 lần, tăng so với quý 3/2024 (0,27 lần) nhưng không đổi so với cùng kỳ. DXG đang chịu áp lực dòng tiền do phải đối mặt với khoản nợ đến hạn đáng kể trong năm 2025 (khoảng 3,2 nghìn tỷ đồng) và nhu cầu vốn cho dự án Datxanhhomes Riverside.

“Lợi nhuận Q4/2024 tăng mạnh nhờ số lượng bàn giao tại Gem Sky World.”



HDG đặt mục tiêu doanh thu năm 2025 đạt 2.936 tỷ đồng, (tăng 8%YoY), và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 1.057 tỷ đồng (tăng 136,5% YoY). Trong đó, lĩnh vực bất động sản (BDS) đóng góp 35% lợi nhuận, còn các dự án điện chiếm 65%. Công ty chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% (100 cổ phiếu nhận thêm 10 cổ phiếu mới).

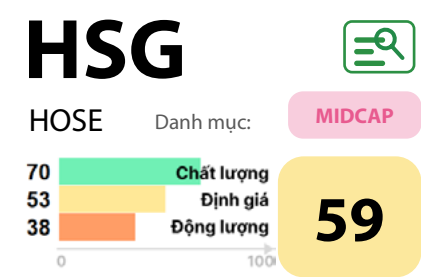
Trong quý 1/2025, HDG ghi nhận doanh thu 540 tỷ đồng (giảm 36% YoY), và LNST đạt 136 tỷ đồng (giảm 48,5% YoY); sản lượng điện trong quý này dự kiến đạt 320 triệu kWh.

Kế hoạch đầu tư: (1) Dự án điện: Công ty đã có dự án điện nằm trong Quy hoạch Điện VIII và sẵn sàng đầu tư khi khung giá mua điện đạt mức đủ cao; (2) Dự án bất động

sản: Dự án Charm Villas (giai đoạn 3) dự kiến mở bán trong tháng 5/2025, với kịch bản giá bán khoảng 150 triệu đồng/m² sẽ mang lại tổng doanh thu ước tính 3.000 tỷ đồng; (3) Dự án khác: HDG xem xét đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng và logistics.

Trong năm 2025 công ty dự kiến đạt LNST ở mức cao, nhờ việc mở bán dự án Charm Villa giai đoạn 03 (trong tháng 5), sản lượng điện phục hồi nhẹ và không còn trích lập dự phòng với dự án Hồng Phong 04. Việc phát triển các dự án tương lai sẽ cần thêm thời gian do các khó khăn hiện tại.

“Tín hiệu tích cực từ phê duyệt thí điểm dự án nhà ở thương mại, chờ cơ chế giá mới cho điện gió để khởi động dự án mới”



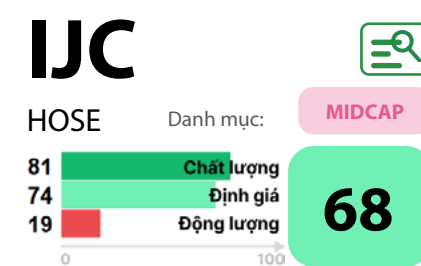
Doanh thu và lợi nhuận gộp NĐTQ quý 2/2025 đạt 8.452 tỷ đồng (-9%YoY,-17%QoQ) và 1.076 tỷ đồng (-11%YoY,-4%QoQ), khi biên LN cải thiện về 12,7%, khi giá bán/nguyên liệu tương đối ổn định và công ty hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (~145 tỷ đồng). Tuy nhiên, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp duy trì ở mức cao và đạt 908 tỷ đồng (tỷ lệ SG&A/doanh thu đạt 10,7%) – phần lớn đến từ chi phí bán hàng qua hệ thống Hoasen Home, qua đó LNST của doanh nghiệp trong quý 2 đạt 208 tỷ đồng (-35%YoY,+26%QoQ).

Về sản lượng bán hàng trong quý 2 ghi nhận sự sụt giảm mạnh của thị trường xuất khẩu, khi tổng lượng tồn mạ bán ra đạt 324k tấn (-18%QoQ) – trong đó sản lượng xuất khẩu giảm 23%QoQ, kết quả của các biện pháp bảo hộ tại

các thị trường lớn (EU, Hoa Kỳ). Lũy kế 1H NĐTQ 2025, LNST của HSG đạt 374 tỷ đồng (-11%YoY, hoàn thành 53% LNST ước tính - sau điều chỉnh).

Tuy KQKD của công ty phù hợp kì vọng, tuy nhiên với xu hướng sụt giảm của thị trường xuất khẩu (mức suy giảm 30% YoY về sản lượng, so với kịch bản suy giảm 10% ban đầu) chúng tôi điều chỉnh LNST NĐTQ 2025 đạt 700 tỷ đồng (+37%YoY, duy trì tăng trưởng do dự kiến còn hoàn nhập dự phòng).

“Lợi nhuận quý 2 năm tài chính 2025 cao gấp đôi kết quả sơ bộ, nhưng cần cẩn trọng do mức đóng góp lớn từ các khoản lợi nhuận không thường xuyên.”



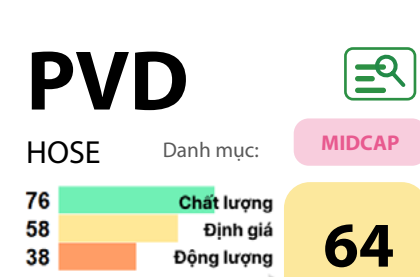
Kế hoạch kinh doanh năm 2025 đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất 2.086 tỷ đồng (+78% YoY), gồm thu phí 309 tỷ đồng (đi ngang so với 2024), bất động sản 990 tỷ đồng (+207% YoY) và hoạt động khác 787 tỷ đồng (+46% YoY). Lợi nhuận trước thuế dự kiến 517 tỷ đồng (+25% YoY), lợi nhuận sau thuế 429 tỷ đồng (+21% YoY), trong đó mảng bất động sản đóng góp 203 tỷ đồng (+827% YoY). Công ty mẹ đặt mục tiêu doanh thu 1.787 tỷ đồng (+127% YoY) và lợi nhuận sau thuế 373 tỷ đồng (+53% YoY).

Các dự án dự kiến triển khai đưa vào kinh doanh trong năm chủ yếu là các dự án tại các khu vực phường Hòa Phú, thành phố mới Bình Dương: dự án Khu Biệt thự Sunflower II, dự án Khu dân cư Hòa Lợi, dự án Khu phố Hoàng Tử II,

dự án Tái định cư Hòa Lợi, dự án Chung cư IJC Aroma,...

Doanh thu Q1/2025 của doanh nghiệp đạt 149,63 tỷ đồng giảm 7,72% so với cùng kỳ. Cùng với giá vốn giảm 20,84% so với cùng kỳ. Chi phí tài chính tăng 1,75% so với cùng kỳ, trong đó chi phí lãi vay giảm 9,55% so với cùng kỳ. Về mặt quản lý, chi phí quản lý tăng 13,89% so với cùng kỳ. Chi phí bán hàng giảm 0,68% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế Q1/2025 của doanh nghiệp đạt 45,46 tỷ đồng tăng 15,9% so với cùng kỳ.

“Lợi nhuận Q1/2025 đạt 45,46 tỷ đồng tăng 15,9% so với cùng kỳ.”



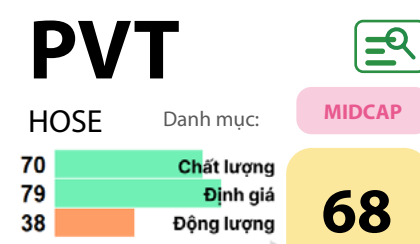
Doanh thu Q1/2025 của doanh nghiệp đạt 1.502,99 tỷ đồng giảm 14,39% YoY. LNST đạt 152,86 tỷ đồng giảm 3,2% YoY, chủ yếu do (1) lợi nhuận gộp của mảng khoan giảm 66% YoY, ảnh hưởng tác động tích cực từ (2) lợi nhuận gộp từ dịch vụ liên quan đến giếng khoan tăng 2,2 lần YoY và (3) sự phục hồi trong lợi nhuận từ các công ty liên kết.

KQKD thấp của mảng khoan chủ yếu do giàn khoan PVD VI thực hiện bảo trì, bảo dưỡng lớn, dẫn đến hiệu suất hoạt động bình quân của giàn khoan tự nâng của PVD giảm 24 điểm phần trăm so YoY (đạt 76% trong quý 1/2025 so với 100% trong quý 1/2024), và giá thuê ngày trung bình của giàn khoan tự nâng của PVD giảm nhẹ 2% YoY (ước tính của chúng tôi). Trong khi đó, mảng dịch vụ liên quan đến giếng khoan và đóng góp từ các công ty liên kết hưởng

lợi từ sự phục hồi mạnh mẽ trong hoạt động khai thác & thăm dò (E&P) tại Việt Nam.

ĐHCĐ thông qua kế hoạch năm 2025 với doanh thu đạt 7,2 nghìn tỷ đồng (-25% so với kết quả năm 2024), và LNST trước lợi ích CĐTTS đạt 530 tỷ đồng (-16% so với kết quả năm 2024).

“KQKD quý 1 thấp do giàn PVD VI thực hiện bảo dưỡng lớn.”



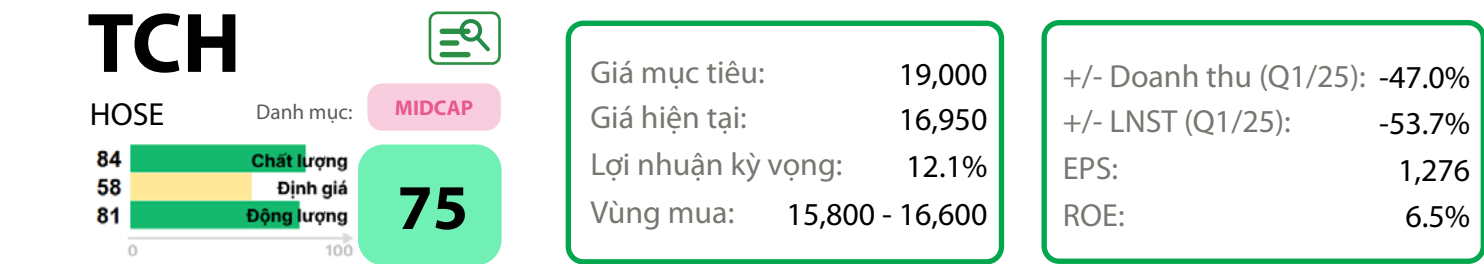
PVT đã công bố KQKD quý 1/2025 với doanh thu đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (+10% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 215 tỷ đồng (-7% YoY). LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi giảm 5% YoY xuống mức 208 tỷ đồng. Sự sụt giảm của LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo chủ yếu là do biên lợi nhuận bị thu hẹp mặc dù doanh thu tăng 10%.

Lợi nhuận gộp mảng vận tải giảm 7% YoY. Chúng tôi cho rằng điều này phản ánh mức giảm của giá cước tàu chở dầu toàn cầu và sự gia tăng của chi phí khấu hao, lớn hơn so với đóng góp mới từ 8 tàu vừa mua trong năm 2024 (tương ứng với mức tăng 29% YoY của tổng trọng tải đội tàu). Trong quý 1/2025, giá cước tàu Aframax/Tàu tằm trung (MR)/Handymax đã giảm lần lượt 36%/30%/26%

YoY. Chi phí khấu hao tăng 47% YoY lên mức 510 tỷ đồng, phản ánh chính sách khấu hao nhanh của PVT đối với các tàu mới mua để giảm thiểu rủi ro trong tương lai.

Kế hoạch cho năm 2025: Doanh thu đạt 10,3 nghìn tỷ đồng (giảm 13% so với thực tế trong năm 2024), LNST trước lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 960 tỷ đồng (giảm 35% so với thực tế trong năm 2024).

“Lợi nhuận quý 1/2025 giảm do giá cước toàn cầu giảm so với cùng kỳ năm trước.”

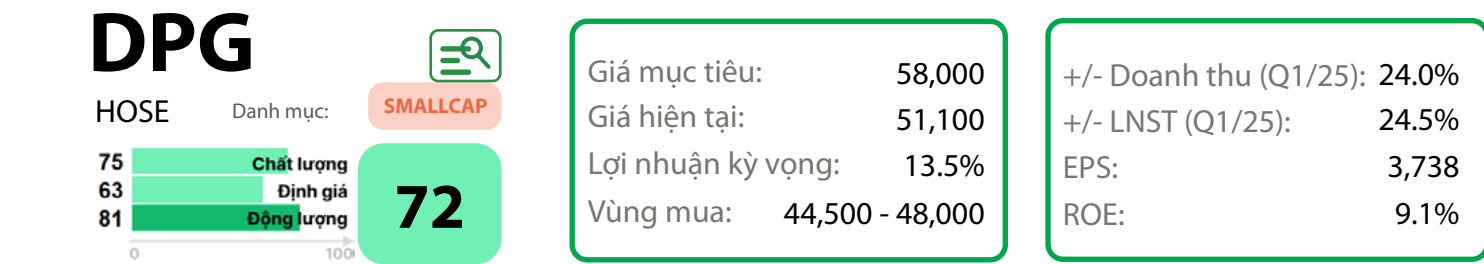


Trong Q4/2024, công ty ghi nhận thêm 100-150 tỷ đồng LNST đến từ việc bàn giao nốt dự án Hoàng Huy New City và 150-200 căn hộ của dự án Hoàng Huy Commerce – H1. Như vậy, LNST FY2024 dự kiến đạt ~1.000 tỷ đồng, tương đương 120-130% kế hoạch đặt ra. - Trong FY2025, TCH dự kiến mở bán đồng loạt 3 dự án dân cư trọng điểm – Hoàng Huy Green River, New City – II và Commerce – Toà H2.

Theo TCH, doanh thu năm 2025 chủ yếu đến từ việc bàn giao các sản phẩm nhà ở thấp tầng thuộc 2 dự án quy mô lớn tại Thủ Nguyên là Hoàng Huy Green River và Hoàng Huy New City - II. Chúng tôi kỳ vọng xu hướng di dân từ khu vực nội thành Hải Phòng sang các khu đô thị mới phía Bắc nhờ tiềm năng đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng và kinh tế sau khi Thủ Nguyên chính thức lên thành phố từ 2025 sẽ thúc đẩy khả năng hấp thụ 2 dự án này trong thời gian tới.

TCH hiện đang giao dịch với P/B quý gần nhất là 1,3 lần – thấp hơn 41% so với trung vị P/B của các công ty cùng ngành. Chúng tôi cho rằng định giá của TCH ở mức hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng doanh số bán hàng với 3 dự án trọng điểm đồng loạt được mở bán trong năm 2025 và tình hình tài chính ổn định của doanh nghiệp.

“TCH mở bán đồng loạt 3 dự án trọng điểm trong năm tài chính 2025.”

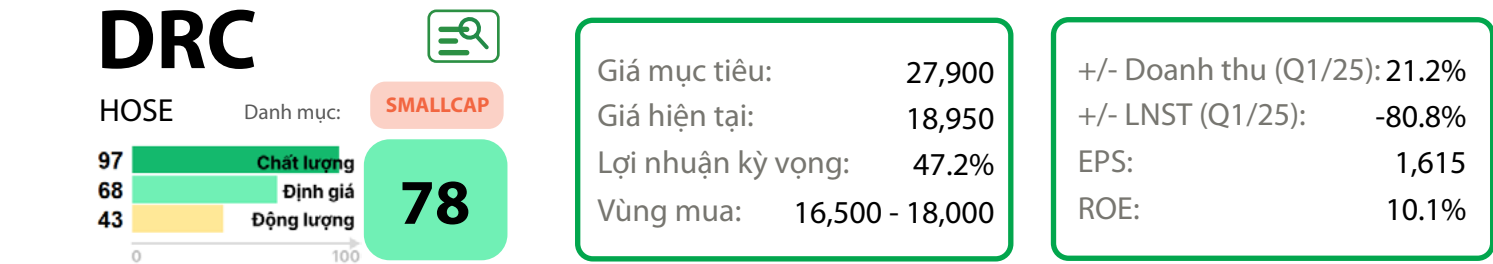


DPG vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2025, với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt hơn 527,8 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, doanh thu hợp đồng xây dựng và bán điện thương phẩm của DPG tăng mạnh trong quý đầu năm, ghi nhận lần lượt hơn 351 tỷ đồng và 166,6 tỷ đồng (tăng 28,3% và 19,9 so với cùng kỳ năm 2024).

Trong kỳ, hoạt động tài chính đem về doanh thu 3 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính được kiểm soát tốt, giảm 5% so với quý I/2024. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 105 tỷ đồng, tăng trưởng 28%, và lợi nhuận sau thuế đạt 100 tỷ đồng, tăng 29%. Đây là mức lợi nhuận sau thuế quý I cao nhất của DPG trong ba năm trở lại đây.

Năm 2025, DPG đặt kế hoạch doanh thu thuần hợp nhất 4.755,5 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2024 và lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 376,9 tỷ đồng. Như vậy, với kết quả đạt được trong quý I/2025, DPG đã đạt 11% kế hoạch doanh thu và 26,5% kế hoạch lợi nhuận để ra. Kết quả này cho thấy sự tăng trưởng khả quan của Đạt Phương trong năm nay, nhất là lợi nhuận ghi nhận ở mức cao và tăng trưởng mạnh.

“DPG báo lãi 100 tỷ đồng trong quý 1/2025. Đây là mức lợi nhuận sau thuế quý I cao nhất của DPG trong ba năm trở lại đây.”

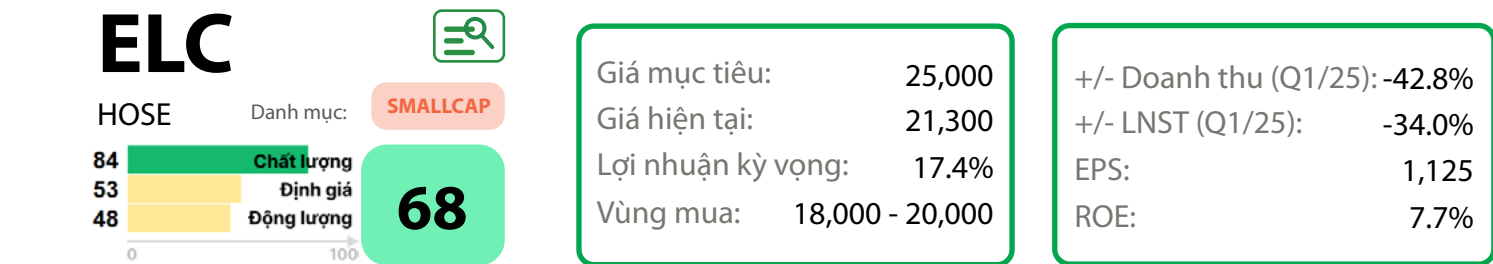


Trong Q1/2025, doanh thu thuần đạt 1.180 tỷ đồng (+21,2% YoY), cao hơn kỳ vọng chuyên viên 18% nhờ kinh doanh lớp TBR tại thị trường Brazil tốt hơn dự kiến, cụ thể: (1) Doanh thu lớp vận tải Bias, chủ yếu kinh doanh ở thị trường nội địa, đạt 209 tỷ đồng (+18,6% YoY); (2) Doanh thu lớp vận tải Radial, chủ yếu xuất khẩu, đạt 745 tỷ đồng (+28,4% YoY); (3) Doanh thu lớp ô tô PCR, đạt 53 tỷ đồng (+40% YoY), phù hợp kỳ vọng.

LNST Cty Mẹ đạt 9,5 tỷ đồng (-81% YoY), tương đương biên lợi nhuận ròng 0,8% (-426 bps YoY), thấp hơn kỳ vọng chuyên viên 77% và 89% KHKD của DRC, cụ thể: Biên lợi nhuận gộp đạt 11,1% (-154 bps QoQ, -555 bps YoY), giữ ở mức thấp tương tự Q4-2024, do diễn biến giá NVL bất lợi như cao su tự nhiên (+41,6% YoY), cao su tổng hợp (+21,4% YoY), chính sách hạ giá bán lốp Radial ở thị trường xuất khẩu; CPBH/Doanh thu thuần đạt 7,9% (+345 bps QoQ, -108 bps YoY), có thể đến từ thay đổi các chính sách xuất hàng (CIF thay FOB) và tăng chiết khấu nhằm tăng tính cạnh tranh ở nội địa và Mỹ, Brazil, theo quan điểm chúng tôi.

DRC có thể ghi nhận KQKD đột biến hơn trong Q2-2025 so với phần còn lại của năm, được xem là yếu tố tích cực hỗ trợ giá cổ phiếu đã sụt giảm mạnh thời gian vừa qua (P/E trailing 2024 10,9x).

“Lợi nhuận quý 1/2025 giảm mạnh do chi phí đầu vào tăng; đặt kế hoạch LNTT quý 2/2025 giảm 23% YoY”

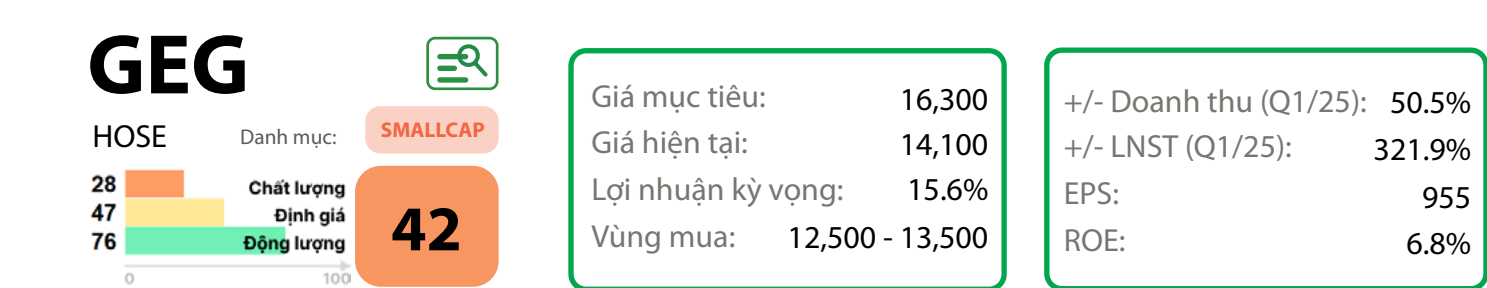


ELCOM ghi nhận lãi ròng Q4/2024 tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, đồng thời có lượng tiền mặt dồi dào. Lợi nhuận trước thuế cả năm 2024 tăng trưởng 20% so với năm 2023.

Trúng thầu các dự án trọng điểm. ELCOM liên tiếp trúng thầu nhiều dự án lớn trong lĩnh vực giao thông thông minh và an ninh quốc phòng, với tổng giá trị hơn 300 tỷ đồng. Các dự án này dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu lớn cho công ty trong năm 2025. Điển hình như dự án triển khai xây dựng hệ thống camera AI giám sát an ninh và an toàn giao thông thông minh tại thành phố Việt Trì và khu di tích lịch sử Đền Hùng.

Tiềm năng phát triển trong lĩnh vực giao thông thông minh (ITS): ELCOM có kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực ITS, đã triển khai thành công nhiều dự án lớn trên cả nước. Việc triển khai thành công hệ thống giao thông thông minh cao tốc quy mô lớn hàng trăm tỷ đồng sẽ là tiền đề để Elcom tiếp tục triển khai các hệ thống giao thông thông minh (ITS) cho các phân đoạn tiếp theo.

“Các dự án lớn trong lĩnh vực giao thông thông minh và an ninh quốc phòng sẽ mang lại nguồn doanh thu lớn cho công ty trong năm 2025.”



TNG

HNX

Danh mục: SMALLCAP

65

84

38

Chất lượng

Định giá

Động lượng

0

100

67

Giá mục tiêu: 26,700

Giá hiện tại: 16,800

Lợi nhuận kỳ vọng: 58.9%

Vùng mua: 14,000 - 15,500

+/- Doanh thu (Q1/25): 11.6%

+/- LNST (Q1/25): 3.4%

EPS: 2,580

ROE: 17.0%

KQKD cho Q1/2025, LNST của TNG đạt 43 tỷ đồng (+3% YoY), tốc độ tăng trưởng tiếp tục chậm lại so với quý trước. Trong đó: Mảng dệt may - Doanh thu đạt 1.511 tỷ đồng (-18% QoQ, +12% YoY), doanh thu giảm mạnh so với quý trước do tính chất mùa vụ của ngành dệt may, và thời điểm Tết Nguyên đán. Doanh thu tài chính ghi nhận 23 tỷ đồng (+43% YoY) do TNG đánh giá chênh lệch tỷ giá theo từng hóa đơn nên có ghi nhận lãi tỷ giá; Mảng cho thuê đất CCN Sơn Cẩm 1 ghi nhận doanh thu chưa thực hiện là 90 tỷ đồng, tăng 10 tỷ đồng so với quý trước.

Biên lợi nhuận gộp tăng 20 bps YoY, đạt 15,2% do hàng Decathlon có biên gộp khoảng 18%, cao hơn so với các khách hàng khác của TNG. Tuy nhiên, do chi phí quản lý và bán hàng tăng cao như trình bày phía trên nên biên lợi

VLB

UPCoM

Danh mục: SMALLCAP

76

53

86

Chất lượng

Định giá

Động lượng

0

100

70

Giá mục tiêu: 46,500

Giá hiện tại: 41,600

Lợi nhuận kỳ vọng: 11.8%

Vùng mua: 39,000 - 41,000

+/- Doanh thu (Q1/25): 16.7%

+/- LNST (Q4/24): 13.2%

EPS: 4,811

ROE: 32.5%

Trong quý 4, doanh thu công ty tăng trưởng 23,26% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 20,05% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 18,82% so với cùng kỳ. Trong khi chi phí bán hàng tăng 21,13% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 62,64 tỷ đồng, tăng 12,27% so với cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2024, doanh thu đạt 1.303,73 tỷ đồng, tăng 29,96% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 217,98 tỷ đồng, tăng 52,94% so với cùng kỳ.

Về hoạt động đầu tư, công ty công ty thanh lý một số tài sản cố định trong năm 2024, nguyên giá tài sản cố định đạt 548,05 tỷ đồng vào cuối quý 4/2024.

VLB đặt kế hoạch doanh thu 2025 hơn 982 tỷ đồng, với phần lớn là doanh thu tiêu thụ sản phẩm đá các loại (khoảng 978 tỷ đồng), các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ đều là 6 triệu m3. Còn lại là chỉ tiêu kinh doanh vật liệu xây dựng, ước khoảng 4.1 tỷ đồng. Về lợi nhuận, doanh nghiệp đặt mục tiêu lãi trước thuế 2025 đạt 175 tỷ đồng.

“Lợi nhuận Q4/2024 tăng 12,27% so với cùng kỳ, lãi 62,64 tỷ đồng.”

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI



29

 SMARTPORTFOLIO 05/2025

VTO

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

68

79

29

Chất lượng

Định giá

Động lượng

0

100

65

Giá mục tiêu: 14,500

Giá hiện tại: 12,650

Lợi nhuận kỳ vọng: 14.6%

Vùng mua: 11,000 - 12,000

+/- Doanh thu (Q1/25): 6.3%

+/- LNST (Q1/25): -29.8%

EPS: 1,285

ROE: 8.4%

Trong quý 4, doanh thu công ty tăng trưởng 0,92% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 10,29% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 9,97% so với cùng kỳ. Trong khi chi phí bán hàng giảm 100% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 32,9 tỷ đồng, giảm 20,2% so với cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2024, doanh thu đạt 1.118,71 tỷ đồng, tăng 3,91% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 109,38 tỷ đồng, tăng 44,69% so với cùng kỳ.

Về tình hình tài chính trong quý 4/2024, chi phí tài chính tăng 130,47% so với cùng kỳ, trong đó chi phí lãi vay giảm 32,57% so với cùng kỳ.

Về hoạt động đầu tư, công ty thanh lý một số tài sản cố định trong năm 2024, nguyên giá tài sản cố định đạt 4.299,57 tỷ đồng vào cuối quý 4/2024.

VTO được hưởng lợi từ việc các tàu hết khấu hao và giúp lợi nhuận công ty cải thiện đáng kể. Ngoài ra, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh ổn định là cơ sở giúp công ty có thể duy trì mức cổ tức tiền mặt cao trong thời gian tới.

“VTO sẽ hưởng lợi từ các tàu hết khấu hao, cải thiện lợi nhuận trong năm 2024. Dòng tiền ổn định giúp công ty duy trì mức cổ tức tiền mặt cao.”



CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

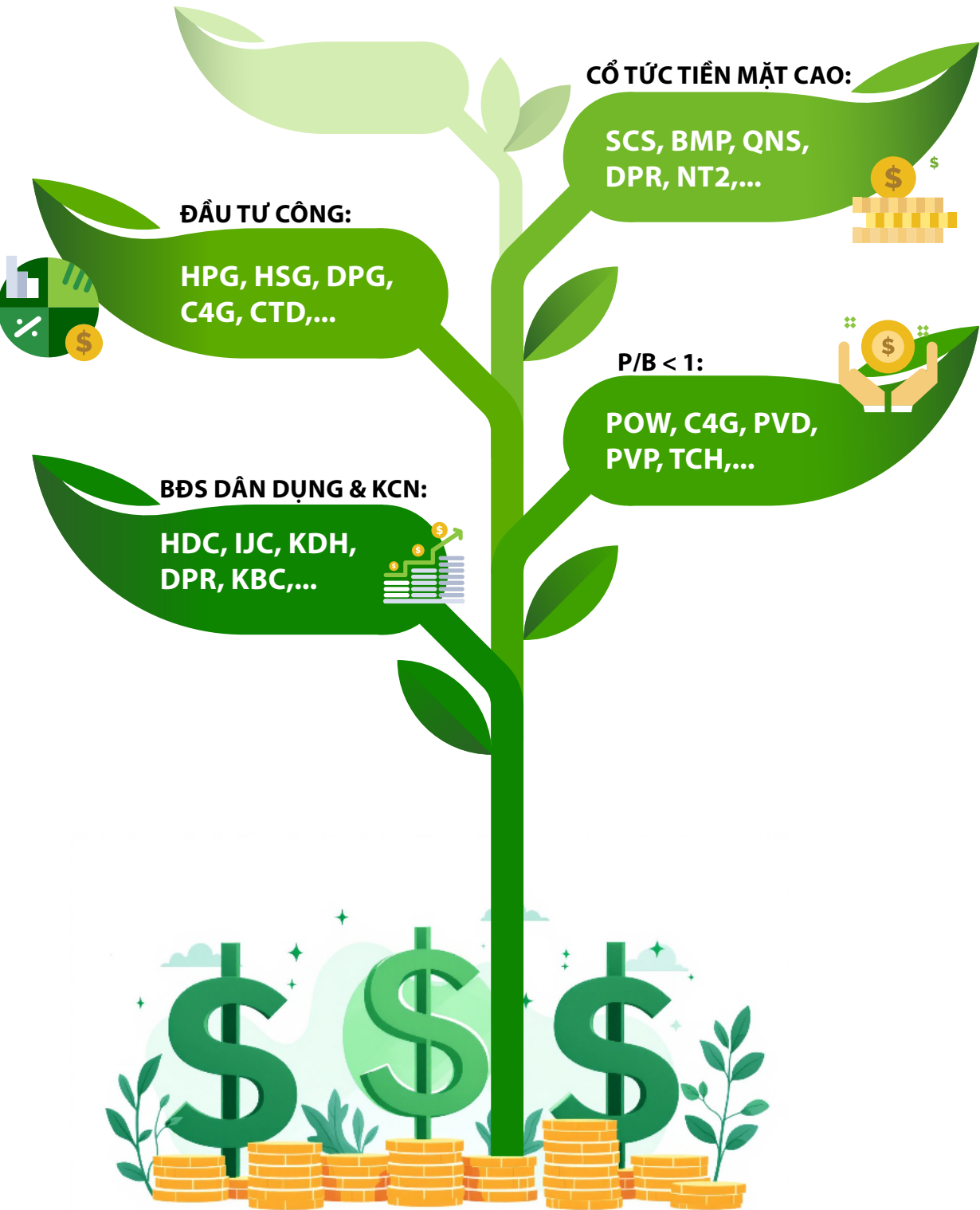
PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI



30

CẬP NHẬT DANH MỤC CHỦ ĐỀ



CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
SCS	●	Du lịch và Giải trí	88.7	59.1	50.1%	52 - 56	8.5	3.7	7,009
BMP	●	Xây dựng và Vật liệu	160	142.9	12.0%	120 - 130	10.9	4.0	13,288
QNS	●	Thực phẩm và đồ uống	52.1	45.4	14.8%	48 - 50	7.4	1.7	6,135
DPR	●	Hóa chất	47.7	35.75	33.4%	42 - 44.4	11.7	1.2	3,368
NT2	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	23.5	17.6	33.5%	19.3 - 20	18.2	1.3	966

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
C4G	●	Xây dựng và Vật liệu	10.5	7.2	45.8%	8 - 8.5	16.7	0.7	432
CTD	●	Xây dựng và Vật liệu	108	77.9	38.6%	78 - 86	21.8	0.9	3,631
DPG	●	Xây dựng và Vật liệu	58	51.1	13.5%	44.5 - 48	13.7	1.6	3,738
HPG	●	Tài nguyên Cơ bản	35.8	25.45	40.7%	23.5 - 25	13.6	1.4	1,984
HSG	●	Tài nguyên Cơ bản	23	14.15	62.5%	12 - 13.3	18.4	0.8	749

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
POW	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	11.9	21.0%	11.5 - 12	25.0	0.9	610
C4G	●	Xây dựng và Vật liệu	10.5	7.2	45.8%	8 - 8.5	16.7	0.7	432
PVD	●	Dầu khí	20.5	17.25	18.8%	16 - 17	14.1	0.6	1,246
PVP	●	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.5	13.7	13.1%	12 - 13	7.0	0.8	1,939
PAN	●	Thực phẩm và đồ uống	31	22.75	36.3%	25 - 26.5	7.5	0.9	2,960

Chú thích Phân loại cổ phiếu:
 ● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025
 *Đơn vị: nghìn đồng

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

BDS DÂN DỤNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
HDC	●	Bất động sản	29.5	21.85	35.0%	25 - 26	49.7	1.7	436
IJC	●	Bất động sản	13.5	11.6	16.4%	10.8 - 11.3	10.2	0.9	1,146
KDH	●	Bất động sản	42.7	26.65	60.4%	25 - 26	30.5	1.5	949
NLG	●	Bất động sản	38.7	28.55	35.6%	25.5 - 27	15.1	1.1	1,827
VHM	-	Bất động sản	70	60.8	15.1%	51 - 55	7.5	1.2	7,766
DPR	●	Hóa chất	47.7	35.75	33.4%	42 - 44.4	11.7	1.2	3,368
GVR	●	Hóa chất	27.5	24.3	13.2%	21 - 23	23.8	1.8	1,241
IDC	●	Bất động sản	60.1	36.6	64.2%	33 - 36	7.3	2.2	4,982
KBC	●	Bất động sản	40.6	23.1	75.8%	20 - 22	45.8	0.9	1,681
LHG	●	Bất động sản	54	27.2	98.5%	24 - 26	5.0	0.8	5,320

Chú thích Phân loại cổ phiếu:
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại
Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/04/2025
*Đơn vị: nghìn đồng



TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

CUNG CẤP NHỮNG DANH MỤC ĐẦU TƯ CHẤT LƯỢNG VÀ PHÙ HỢP VỚI TỪNG KHẨU VỊ RỦI RO

- 

1 Mục tiêu đầu tư

 - Mục tiêu chính của smartPortfolio là giúp nhà đầu tư xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả, phù hợp với khẩu vị rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận cá nhân.
 - Cung cấp một giải pháp đầu tư đơn giản, tiện lợi, đặc biệt hữu ích cho những nhà đầu tư không có nhiều thời gian hoặc kinh nghiệm phân tích thị trường.
 - Tối ưu hóa lợi nhuận trong khi vẫn kiểm soát rủi ro ở mức độ chấp nhận được.
- 

2 Chiến lược đầu tư

 - smartPortfolio áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, dựa trên phân tích chuyên sâu của đội ngũ chuyên gia Rộng Việt.
 - Tập trung vào việc tìm kiếm các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng tốt, có lợi thế cạnh tranh bền vững và được định giá hợp lý.
 - Sử dụng kết hợp phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để lựa chọn các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt.
 - Chú trọng vào việc đa dạng hóa danh mục đầu tư, phân bổ vốn hợp lý giữa các ngành và các loại tài sản.
 - Theo dõi sát sao diễn biến thị trường và điều chỉnh danh mục đầu tư kịp thời.
- 

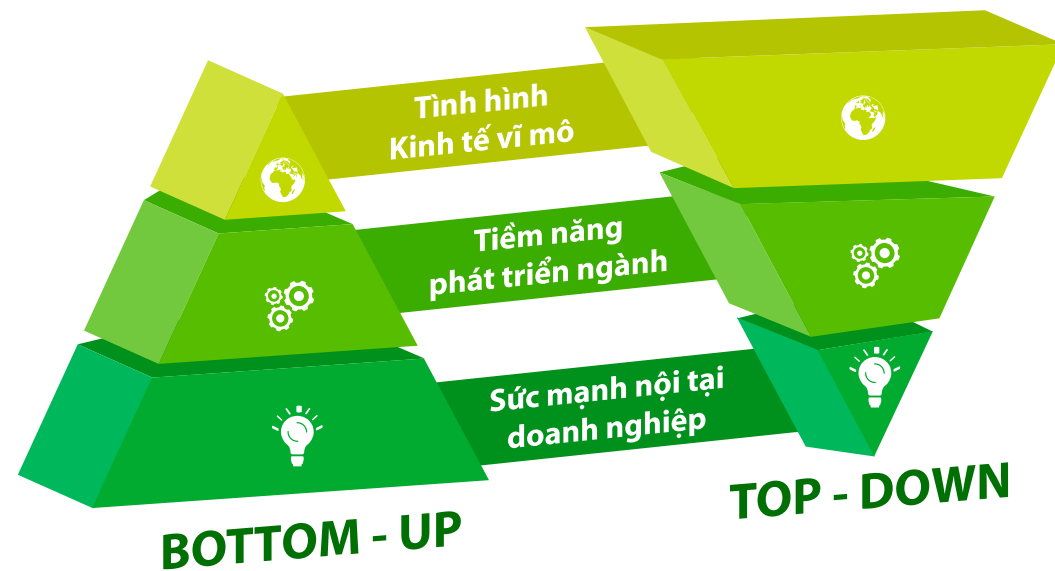
3 Cơ cấu đầu tư

 - smartPortfolio phân chia thành ba loại danh mục chính, tương ứng với ba mức độ rủi ro khác nhau:
 - Danh mục **THẬN TRỌNG**: Tập trung vào các cổ phiếu có tính ổn định cao, cổ tức đều đặn.
 - Danh mục **CÂN BẰNG**: Kết hợp giữa các cổ phiếu tăng trưởng và các cổ phiếu ổn định, nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro.
 - Danh mục **TĂNG TRƯỞNG**: Tập trung vào các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ, chấp nhận rủi ro cao hơn để đạt được lợi nhuận cao hơn.
 - Ngoài ra smartPortfolio còn thiết kế các danh mục theo nhóm vốn hóa:
 - Danh mục **MIDCAP**: Tập trung vào các công ty có vốn hóa trung bình, tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ.
 - Danh mục **SMALLCAP**: Tập trung vào các công ty có vốn hóa nhỏ, tiềm năng tăng trưởng đột phá nhưng cũng đi kèm rủi ro cao hơn.
 - Mỗi danh mục được xây dựng với số lượng mã cổ phiếu có giới hạn, để nhà đầu tư có thể dễ dàng theo dõi và quản lý.

XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

I. Phương pháp xây dựng

Đội ngũ chuyên gia Rổng Việt kết hợp phương pháp **Bottom-up** và **Top-down** để tìm kiếm cơ hội đầu tư vượt trội:



Đối với phương pháp Bottom-up: Chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

- ✓ Phân tích chi tiết tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của từng doanh nghiệp.
- ✓ Đánh giá tiềm năng tăng trưởng và định giá của từng cổ phiếu.
- ✓ Lựa chọn các cổ phiếu có định giá hấp dẫn và tiềm năng tăng trưởng cao.

Đối với phương pháp Top-down: Các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

- ✓ Phân tích vĩ mô: Đánh giá tình hình kinh tế toàn cầu và trong nước, các chính sách của chính phủ, xu hướng ngành...
- ✓ Xác định các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt trong tương lai.
- ✓ Lựa chọn các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành này.

- Đội ngũ chuyên gia của Rổng Việt liên tục theo dõi và cập nhật danh mục đầu tư, đảm bảo tính phù hợp với tình hình thị trường.
- Việc cập nhật danh mục được thực hiện định kỳ hàng tháng.

II. Quy trình xây dựng danh mục đầu tư



500-600
CỔ PHIẾU

- ✓ Các cổ phiếu được đánh giá dựa trên yếu tố cơ bản
- ✓ Xác định chủ đề trọng điểm thu hút được dòng tiền lớn tham gia
- ✓ Đảm bảo đạt được các tiêu chí của công cụ smartScore, smartTrade

DANH MỤC QUAN SÁT

PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU

200
CỔ PHIẾU

Đưa các cp vào danh mục dựa trên các yếu tố Lợi suất kỳ vọng & Rủi ro thỏa mãn những tiêu chí sau (có thể tùy vào từng danh mục):

- ✓ Định giá hấp dẫn
- ✓ Hiệu suất sinh lời hợp lý
- ✓ Tiềm năng tăng giá, upside hấp dẫn (lớn hơn 20%)
- ✓ Điểm mua/bán phù hợp với diễn biến thị trường

100
CỔ PHIẾU

- ✓ Thiết lập danh mục đầu tư tương ứng phân bổ tỷ trọng phù hợp với Rủi ro & Lợi suất đầu tư
- ✓ Quan sát biến động giá trong vòng 3-6 tháng gần nhất để chọn ra vùng giá mua hợp lý
- ✓ Thay vì cố gắng tìm cách mua đáy bán đỉnh, chúng tôi tìm kiếm những cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy trung/dài hạn với mức biên an toàn đủ lớn. Từ đó, lợi nhuận của danh mục được đảm bảo tăng trưởng bền

THIẾT KẾ
DANH MỤC ĐẦU TƯ

ĐÁNH GIÁ
ĐỊNH KỲ
100
CỔ PHIẾU



DIỄN GIẢI THUẬT NGỮ

smartScore
Hệ thống chấm điểm cổ phiếu toàn diện



Để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư, chúng tôi giới thiệu hệ thống smartScore độc quyền, một công cụ **đánh giá và xếp hạng cổ phiếu toàn diện**. smartScore là sự kết hợp tinh tế giữa các tiêu chí định lượng và định tính, được đánh giá trên thang điểm từ 1 đến 100, mang đến cái nhìn sâu sắc và đa chiều về tiềm năng của từng cổ phiếu. Hệ thống được cấu thành từ ba yếu tố then chốt:



ĐIỂM CHẤT LƯỢNG (Quality Score):

- Đây là thước đo năng lực cốt lõi của doanh nghiệp, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh và tốc độ tăng trưởng bền vững.
- Đánh giá dựa trên các chỉ số: tốc độ tăng trưởng doanh thu/lợi nhuận, biên lợi nhuận, ROE, ROA, chất lượng tài sản, nợ vay...



ĐIỂM ĐỊNH GIÁ (Valuation Score):

- Yếu tố này giúp xác định giá trị thực của cổ phiếu, so sánh thị giá hiện tại với tiềm năng nội tại và vị thế tương quan trong ngành.
- Đánh giá dựa trên các chỉ số: P/E, P/B, EV/EBITDA...



ĐIỂM ĐỘNG LƯỢNG (Momentum Score):

- Chỉ số này nắm bắt sức mạnh giá và khối lượng giao dịch, cho thấy xu hướng thị trường và mức độ quan tâm của nhà đầu tư.
- Đánh giá dựa trên các chỉ số: biến động giá và khối lượng giao dịch, MACD, RSI...

smartScore là công cụ đặc lực, cung cấp cái nhìn sâu sắc và đa chiều, giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định sáng suốt.



Cổ phiếu Tăng trưởng & cổ phiếu Phòng thủ



Trong danh mục đầu tư smartPortfolio, tỷ lệ phân bổ giữa cổ phiếu Tăng trưởng và cổ phiếu Phòng thủ sẽ phụ thuộc vào khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư. Ví dụ, danh mục THẬN TRỌNG sẽ có tỷ lệ cổ phiếu Phòng thủ cao hơn, trong khi danh mục TĂNG TRƯỞNG sẽ có tỷ lệ cổ phiếu Tăng trưởng cao hơn.

Cổ phiếu Tăng trưởng (Growth Stocks) (●):

✓ Bứt phá lợi nhuận

Đại diện cho các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận vượt trội so với thị trường chung, mang lại cơ hội sinh lời đột phá.

✓ Ngành nghề tiên phong.

Thường xuất hiện trong các lĩnh vực công nghệ, tiêu dùng không thiết yếu, hoặc các ngành mới nổi, nơi sự đổi mới và lợi thế cạnh tranh là chìa khóa thành công.

✓ Tái đầu tư mạnh mẽ

Doanh nghiệp ưu tiên tái đầu tư lợi nhuận để thúc đẩy tăng trưởng, thay vì phân phối cổ tức, nhằm tối đa hóa giá trị dài hạn.

✓ Tiềm năng lớn, rủi ro cao

Mang đến cơ hội sinh lời vượt trội, nhưng đi kèm là biến động giá mạnh, phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và tầm nhìn dài hạn.

✓ Thách thức định giá

Định giá cổ phiếu tăng trưởng thường cao, đòi hỏi nhà đầu tư phải phân tích kỹ lưỡng để tránh rủi ro mua vào ở mức giá không phản ánh giá trị thực.

Cổ phiếu Phòng thủ (Defensive Stocks) (●):

✓ Ổn định và bền vững

Đại diện cho các doanh nghiệp có doanh thu và lợi nhuận ổn định, trả cổ tức đều đặn, và ít bị ảnh hưởng bởi biến động kinh tế.

✓ Bảo vệ vốn an toàn

Mô hình kinh doanh ít rủi ro, giúp bảo toàn vốn hiệu quả trong giai đoạn thị trường biến động, đồng thời mang lại thu nhập ổn định từ cổ tức.

✓ Tiềm năng tăng trưởng vừa phải

Tiềm năng sinh lời thấp hơn so với cổ phiếu tăng trưởng, nhưng mang lại sự an tâm và ổn định cho nhà đầu tư.

✓ Tiềm năng lớn, rủi ro cao

Mang đến cơ hội sinh lời vượt trội, nhưng đi kèm là biến động giá mạnh, phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và tầm nhìn dài hạn.

